

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	2
3. Phạm vi nghiên cứu	2
4. Phương pháp nghiên cứu	3
5. Bố cục đề tài	3
CHƯƠNG 1	4
LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGHĨA VỤ CẤP DƯỠNG CỦA CHA MẸ ĐỐI VỚI CON KHI LY HÔN	4
1.1. Khái quát chung về cấp dưỡng	4
1.1.1. <i>Khái niệm cấp dưỡng</i>	4
1.1.2. <i>Sự khác biệt giữa nghĩa vụ cấp dưỡng và nuôi dưỡng</i>	6
1.2. Khái niệm về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn	9
1.3. Lược sử hình thành chế định cấp dưỡng	11
1.3.1. <i>Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn trong hệ thống pháp luật Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945</i>	11
1.3.2. <i>Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn trong hệ thống pháp luật Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945</i>	14
1.3.2.1. <i>Luật hôn nhân và gia đình trong giai đoạn sự nghiệp cách mạng nước ta thực hiện hai nhiệm vụ: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam (sau 1945 - 1975)</i>	14
1.3.2.2. <i>Luật hôn nhân và gia đình giai đoạn cả nước thống nhất trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (từ 197 - trước 01/01/2001)</i>	16
1.3.2.3. <i>Giai đoạn Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (từ 01/01/2001 - trước 01/01/2015)</i>	17
1.3.2.4. <i>Giai đoạn Luật hôn nhân và gia đình năm 2014</i>	18
1.4. Đặc điểm về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn	19
1.5. Ý nghĩa về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn	22
CHƯƠNG 2	24

NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ NGHĨA VỤ CẤP DƯỠNG CỦA CHA MẸ ĐỐI VỚI CON KHI LY HÔN	24
2.1. Những điều kiện phát sinh quan hệ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn	24
2.1.1. <i>Điều kiện chung</i>	24
2.1.2. <i>Điều kiện riêng</i>	25
2.1.2.1. <i>Đối với người được cấp dưỡng</i>	25
2.1.2.2. <i>Đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng</i>	28
2.2. Mức cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn	29
2.3. Phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn	32
2.3.1. <i>Phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ</i>	33
2.3.2. <i>Phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng một lần</i>	34
2.4. Thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn	37
2.4.1. <i>Hình thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng</i>	37
2.4.2. <i>Thay đổi chế độ cấp dưỡng</i>	37
2.4.3. <i>Tạm ngừng cấp dưỡng</i>	38
2.5. Chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn	39
2.6. Cơ chế bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn	41

CHƯƠNG 3	46
THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ NGHĨA VỤ CẤP DƯỠNG CỦA CHA MẸ ĐỐI VỚI CON KHI LY HÔN	46
3.1. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn trong hoạt động của Tòa án	46
3.2. Vấn đề khó khăn, vướng mắc trong công tác thi hành án về cấp dưỡng nuôi con của cha mẹ khi ly hôn	48
3.3. Một số vướng mắc trong việc áp dụng các quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn	49
3.3.1. <i>Vấn đề về thời điểm bắt đầu cấp dưỡng nuôi con</i>	49
3.3.2. <i>Vấn đề về tạm ngừng cấp dưỡng</i>	51

3.3.3. <i>Vấn đề liên quan đến thỏa thuận mức cấp dưỡng và ấn định mức cấp dưỡng nuôi con</i>	52
3.4. Những kiến nghị hoàn thiện các quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn	54
3.4.1. <i>Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng nuôi con</i>	54
3.4.2. <i>Vấn đề tạm ngừng cấp dưỡng</i>	55
3.4.3. <i>Kiến nghị tiền bồi thường cấp dưỡng nuôi con khi cha mẹ ly hôn mà một người bị tai nạn</i>	56
3.5. Kiến nghị về mặt thực thi pháp luật về cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn	57
KẾT LUẬN	59
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM	
KHẢO PHỤ LỤC 1	
PHỤ LỤC 2	

Lời cam đoan

<https://baocaothuctap.net/loi-cam-doan-trong-bao-cao-thuc-tap/>

Lời cảm ơn

<https://baocaothuctap.net/loi-cam-on-cao-thuc-tap-tot-nghiep/>

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN

[illegible]

LỜI MỞ ĐẦU

XEM THÊM CÁC LỜI MỞ ĐẦU TẠI:

<https://baocaothuctap.net/loi-mo-dau-bao-cau-thuc-tap-nganh-luat/>

1. Lý do chọn đề tài

Gia đình là tế bào của xã hội. Muốn cho xã hội tốt thì trước tiên và cốt yếu là phải xác lập được một quan hệ vợ chồng hạnh phúc, vì đó là hạt nhân quan trọng tạo nên tế bào xã hội. Song, nếu như kết hôn là một hiện tượng xã hội bình thường nhằm xác lập nên tế bào của xã hội, thì ly hôn có thể coi là hiện tượng bất thường không thể thiếu được khi quan hệ hôn nhân thực sự tan vỡ.

Vấn đề cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn đã có từ lâu trong lịch sử loài người. Đây là một chế định pháp lý quan trọng trong pháp luật về hôn nhân và gia đình ở nước ta và vấn đề này ngày càng được xã hội chú ý. Bởi lẽ, việc cấp dưỡng nhằm đảm bảo cho người được cấp dưỡng hưởng sự quan tâm, chăm sóc về vật chất lẫn tinh thần, đảm bảo cho người được cấp dưỡng có đủ điều kiện tồn tại và phát triển.

Ngoài ra, ly hôn là một hiện tượng xã hội xuất hiện ngày càng nhiều cùng với sự phát triển của xã hội và ngày càng được xã hội quan tâm vì những hậu quả nặng nề, không mong muốn của nó. Khi cuộc sống vợ chồng rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì ly hôn là lối thoát cho cuộc sống bế tắc, không còn tình cảm của hai vợ chồng. Nhưng hậu quả pháp lý và xã hội mà nó để lại ảnh hưởng nghiêm trọng đến một đối tượng vốn là niềm hạnh phúc của hai vợ chồng - đó là những đứa con. Những đứa trẻ ngây thơ vốn cần sự yêu thương, chăm sóc của cả cha và mẹ trong một gia đình êm ấm lại phải chịu cảnh gia đình tan nát, nếu không có sự bảo vệ sẽ rất dễ đánh mất cả tuổi thơ và tương lai. Vì vậy, vấn đề rất được xã hội quan tâm khi vợ chồng ly hôn là việc chăm sóc, nuôi dưỡng con sẽ được thực hiện như thế nào đối với cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con. Khi đó theo quy định của pháp luật hiện hành thì nghĩa vụ cấp dưỡng sẽ phát sinh đối với người không trực tiếp nuôi con. Và pháp luật đã đóng vai trò không thể thiếu để bảo vệ những đứa trẻ vô tội này. Đó cũng là nguyên tắc cơ bản, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Đồng thời, trong xã hội ngày nay dưới tác động của nền kinh tế thị trường đã phần nào ảnh hưởng xấu đến lối sống, đạo đức gia đình, dẫn đến vi phạm nghiêm trọng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình ngày càng phổ biến. Trong một số gia đình đã bắt đầu có những biểu hiện xuống cấp về đạo đức, thể hiện qua lối sống thực dụng, ích kỷ, không quan tâm đến nhau mà gia đình là cái nôi nuôi dưỡng con

người, là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách con người, là tập hợp nhỏ của một số thành viên nhỏ xã hội nhưng là tập hợp đặc biệt gồm các thành viên gắn bó nhau do quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng.

Trên thực tế, ở nước ta hiện nay đã xảy ra không ít trường hợp vợ chồng sau khi ly hôn đã bỏ mặc không quan tâm đến cuộc sống của con, không thực hiện trách nhiệm của các bậc sinh thành đối với những đứa con. Trách nhiệm ở đây là cấp dưỡng cho con khi cha hoặc mẹ không thể trực tiếp nuôi con. Trong khi đó các quy định của pháp luật hiện hành về cấp dưỡng nói chung và về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn nói riêng, có những vấn đề chưa được quy định hoặc quy định chưa đầy đủ, đều đó ảnh hưởng đến quyền lợi của người được cấp dưỡng cũng như quyền lợi của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Do đó, việc bảo vệ quyền và lợi ích của các bên trong quan hệ cấp dưỡng là rất quan trọng và có ý nghĩa thiết thực.

Vì vậy việc hoàn thiện pháp luật về cấp dưỡng nói chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn nói riêng là đòi hỏi tất yếu.

Vấn đề cấp dưỡng đã được nghiên cứu ở nhiều góc độ khác nhau, trong khuôn khổ khóa luận, khả năng người viết còn hạn chế nên không đề cập một cách cụ thể tất cả các vấn đề liên quan đến cấp dưỡng mà người viết chỉ trình bày nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn. Qua đó đưa ra các phân tích, đánh giá nhằm góp phần xây dựng đề tài khoa học và hoàn thiện quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng này.

Từ ý nghĩa lý luận và thực tiễn trên người viết đã chọn đề tài: **“Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn lý luận và thực tiễn”**.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Làm sáng tỏ vấn đề chung về cấp dưỡng đặc biệt là quan hệ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con sau khi ly hôn trong Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Đồng thời, tìm hiểu nghĩa vụ này trong Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối chiếu, so sánh quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn qua hai Luật hôn nhân và gia đình trên. Qua đó, đối chiếu với thực tiễn nhằm chỉ ra những tồn tại, vướng mắc nhất định. Từ đó, mong muốn có thể đưa ra những giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện hơn về vấn đề này giúp cho người có quyền và nghĩa vụ trong quan hệ cấp dưỡng tự bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình và làm cơ sở cho cơ quan Nhà nước cũng như những người có nhiệm vụ thực thi pháp luật áp dụng vào thực tiễn giải quyết vấn đề tốt hơn.

3. Phạm vi nghiên cứu

Trong khuôn khổ một đề tài luận văn tốt nghiệp với thời lượng nghiên cứu và trình độ chuyên môn còn hạn hẹp nên đề tài chủ yếu xoay quanh vấn đề nghĩa vụ cấp

dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn trong Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Đồng thời, người viết cũng tìm hiểu quy định của pháp luật về nghĩa vụ này trong Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ đó đối chiếu, so sánh sự khác nhau về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn thông qua quy định trong hai Luật hôn nhân và gia đình.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp duy vật biện chứng của Chủ nghĩa Mác – Lênin. Trong đó, các phương pháp cụ thể vận dụng gồm: so sánh, đối chiếu, phân tích, tổng hợp,...

5. Bố cục đề tài

Nội dung đề tài gồm ba chương:

Chương 1: Lý luận chung về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn.

Nội dung chương nhằm hướng người đọc khái quát được nghĩa vụ cấp dưỡng nói chung, từ đó đi đến khái niệm nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn. Biết được đặc điểm riêng biệt của nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn. Đồng thời, giúp người đọc hình dung được việc cấp dưỡng nuôi con của cha mẹ có ý nghĩa gì trong cuộc sống của những đứa trẻ không may sống trong cảnh cha mẹ ly hôn. Bên cạnh đó, nội dung chương còn khái quát được sơ lược về quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con sau khi ly hôn qua các mốc thời gian khác nhau của lịch sử.

Chương 2: Những quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn.

Nội dung chương giúp người đọc nắm rõ các quy định của pháp luật hiện hành về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn, qua đó đối chiếu so sánh với Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giúp người đọc biết được khi nào thì nghĩa vụ cấp dưỡng này phát sinh, phát sinh và chấm dứt cần điều kiện gì? mức cấp dưỡng bao nhiêu? phương thức thực hiện nghĩa vụ đó như thế nào?. Đồng thời, trong quá trình thực hiện việc cấp dưỡng phát sinh nhưng vấn đề gì mà pháp luật đã điều chỉnh, những biện pháp chế tài khi người có nghĩa vụ cấp dưỡng trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của mình.

Chương 3: Thực tiễn áp dụng và một số kiến nghị hoàn thiện các quy định của pháp luật hiện hành về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn

Nội dung chương giúp người đọc biết được thực tiễn trong việc giải quyết các vụ việc cấp dưỡng nuôi con của cha mẹ khi ly hôn ở Tòa án, những khó khăn, vướng mắc

khi áp dụng quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng này trong Tòa án và trong công tác thi hành án của cơ quan Thi hành án. Từ đó, người viết đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn.

DOWNLOAD CÁC ĐỀ CƯƠNG TẠI

<https://baocaothuctap.net/de-cuong-bao-cao-thuc-tap-khoa-luat/>

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGHĨA VỤ CẤP DƯỠNG CỦA CHA MẸ ĐỐI VỚI CON KHI LY HÔN

1.1. Khái quát chung về cấp dưỡng

1.1.1. Khái niệm cấp dưỡng

Gia đình là một trong những thành tố quan trọng cấu thành nên xã hội. Gia đình là cái nôi nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và góp phần hình thành nhân cách con người. Đồng thời, gia đình còn là nơi tập hợp những người gắn bó với nhau do quan hệ hôn nhân, huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng. Các quan hệ đó đóng vai trò quyết định cho sự hình thành tình cảm của các thành viên trong gia đình như: sự gắn bó, tình yêu thương, sự quan tâm, lòng cao thượng, đức hi sinh,...Chính vì vậy, mà các thành viên trong gia đình được gắn kết với nhau bằng một sợi dây vô hình. Để cho gia đình tồn tại và phát triển đòi hỏi các thành viên trong gia đình phải có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ đó tồn tại một cách tự nhiên không chỉ là một nhu cầu tất yếu về mặt tình cảm và đạo đức mà còn là nghĩa vụ pháp lý được pháp luật quy định cụ thể:

Theo quy định của pháp luật: “*Các thành viên trong gia đình có quyền được hưởng sự chăm sóc, giúp đỡ nhau phù hợp với truyền thống đạo đức tốt đẹp của gia đình Việt Nam. Con, cháu chưa thành niên được hưởng sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ, ông bà; con cháu có bổn phận kính trọng, chăm sóc và phụng dưỡng cha mẹ, ông bà*” tại Điều 41 Bộ luật dân sự năm 2005 (BLDS năm 2005), Điều 64 Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung năm 2001. Kế thừa Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung năm 2001, Hiến pháp 2013 cũng quy định “*Trẻ em được gia đình bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; người cao tuổi được gia đình tôn trọng và chăm sóc*” (Điều 37).

Sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình còn được thể hiện thông qua hình thức cấp dưỡng. Cấp dưỡng vừa là quyền vừa là nghĩa

vụ giữa các thành viên trong gia đình. Ta thấy rằng, một khi nghĩa vụ nuôi dưỡng không thể thực hiện trong những hoàn cảnh nhất định như người có nghĩa vụ nuôi dưỡng phải đi công tác, bệnh nặng kéo dài, phải chấp hành hình phạt tù hay cụ thể trong trường hợp vợ chồng ly hôn. Trong trường hợp này, để đảm bảo cuộc sống bình thường của người được nuôi dưỡng, đồng thời để thể hiện một phần nào đó sự quan tâm, chăm sóc giữa người nuôi dưỡng và người được nuôi dưỡng thì nghĩa vụ cấp dưỡng được đặt ra.

Nhận thức sâu sắc vấn đề này, trong công tác lập pháp Nhà nước ta đã quy định nghĩa vụ cấp dưỡng trong các đạo luật. Khi nước Việt Nam dân chủ ra đời tư duy pháp lý về gia đình và quyền gia đình của gia trưởng đã thay đổi. Song, những giá trị đạo đức cao đẹp của dân tộc vẫn được duy trì và được pháp luật bảo hộ trong các văn bản pháp lý như Sắc lệnh số 97/SL ngày 22/5/1959 của Chủ tịch Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng

hòa (Sắc lệnh số 97/SL), Sắc lệnh số 159/SL ngày 17/11/1950 (Sắc lệnh số 159/SL) của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa quy định về vấn đề ly hôn và khi Luật hôn nhân và gia đình đầu tiên của Việt Nam dân chủ cộng hòa được thông qua ngày 29/12/1959 và được Chủ tịch nước ký sắc lệnh công bố ngày 13/01/1960 theo Sắc lệnh số 02/SL đã điều chỉnh quan hệ cấp dưỡng giữa các bên đã từng là vợ chồng sau khi ly hôn khi có một bên lâm vào tình trạng túng thiếu, việc cấp dưỡng của cha mẹ đối với con được quy định dưới hình thức “*đóng góp phí tổn nuôi dưỡng*”. Còn việc cấp dưỡng giữa anh, chị, em trong gia đình chưa được luật quy định cụ thể. Kế thừa Luật hôn nhân và gia đình năm 1959, Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 ra đời cũng có những quy định tương tự về nuôi dưỡng tại các Điều 19, 20, 21 và Điều 26 về quan hệ nuôi dưỡng giữa cha mẹ và con, Điều 27 về quan hệ giữa ông bà và cháu, giữa anh chị em ruột thịt, Điều 43 quy định về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, Điều 45 quy định về đóng góp phí tổn nuôi dưỡng con khi cha mẹ ly hôn. Tuy nhiên, Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 và Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 vì nhiều lý do khác nhau mà việc quy định nghĩa vụ cấp dưỡng còn mang tính chung chung chưa quy định cụ thể mặc dù có nhắc tới cụm từ “*cấp dưỡng*”.

Trước tình hình đó, Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 của Nhà nước ta được Quốc hội khóa X thông qua ngày 09/6/2000 đã dành một chương riêng quy định về cấp dưỡng và đã được sửa đổi, bổ sung 2010 quy định một cách đầy đủ, cụ thể hơn về nghĩa vụ cấp dưỡng. Theo quy định tại khoản 11 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đã đưa ra khái niệm về cấp dưỡng như sau: “*Cấp dưỡng là việc một người có nghĩa vụ đóng góp tiền hoặc tài sản khác để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người không sống chung với mình mà có quan hệ hôn nhân, huyết thống và nuôi dưỡng trong trường hợp người đó là người chưa thành niên, là người đã thành niên mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, là người gặp khó khăn, túng thiếu theo quy định của Luật này*”. Không chỉ dừng lại ở đây, với cái nhìn gia đình là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách con người góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong điều kiện kinh tế – xã hội của đất nước hiện nay đã ảnh hưởng đến quan hệ hôn nhân và gia đình, nảy sinh nhiều mối quan hệ phức tạp mà pháp luật chưa điều chỉnh hoặc điều chỉnh nhưng không còn phù hợp nữa. Điều đó đòi hỏi pháp luật phải có những quy định cụ thể về trách nhiệm giữa các thành viên trong gia đình nhằm đảm bảo sự ổn định, bền vững và hạnh phúc của gia đình – nền tảng của xã hội. Chính vì thế, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 trình Quốc hội tại kỳ họp thứ VII đã được thông qua và sẽ có hiệu lực vào ngày 01/01/2015, cũng đã đưa ra khái niệm về cấp dưỡng tại khoản 24 Điều 3 không có gì thay đổi so với Luật hôn nhân và gia đình

năm 2000. Bên cạnh đó, Luật đã dành một chương riêng quy định về cấp dưỡng một cách đầy hơn tại các Điều 107, 110, 111, 112, 113, 114 và Điều 115. Hơn nữa chủ thể quan hệ

cấp dưỡng được mở rộng hơn tại Điều 107 và Điều 114 “*nghĩa vụ cấp dưỡng giữa cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột*”. Trước đây, Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 chưa điều chỉnh việc cấp dưỡng giữa những chủ thể trên. Đồng thời, Luật này cũng quy định rõ ràng, chi tiết hơn về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn từ Điều 81 đến Điều 84, Luật đã chỉ định rõ quyền, nghĩa vụ của cha mẹ không trực tiếp hoặc trực tiếp nuôi con tại hai điều riêng biệt (Điều 82, Điều 83), hơn nữa nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con được quy định chặt chẽ hơn tại Điều 110 “*cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên hoặc con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con*”.

Từ khái niệm về cấp dưỡng trên ta thấy cấp dưỡng là một thuật ngữ pháp lý được sử dụng trong Luật hôn nhân và gia đình để thể hiện mối quan hệ ràng buộc về quyền và nghĩa vụ của những người không sống chung với nhau nhưng đang có hoặc đã có quan hệ gia đình thể hiện ở ba mối quan hệ sau: quan hệ hôn nhân, huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng. Tuy nhiên, ta thấy quan hệ cấp dưỡng bao giờ cũng là quan hệ giữa cá nhân với nhau, đồng thời nghĩa vụ cấp dưỡng bao giờ cũng có điều kiện, tức là cứ không phải các bên có một trong ba mối quan hệ trên là đương nhiên giữa các bên tồn tại nghĩa vụ cấp dưỡng mà chỉ trong những trường hợp cụ thể sau thì mới phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng:

- Người chưa thành niên và không có tài sản để tự nuôi mình.
- Người đã thành niên mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình hoặc là người gặp khó khăn, túng thiếu.¹

Theo quy định của pháp luật hiện hành có các mối quan hệ cấp dưỡng sau:

- Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con khi ly hôn.
- Nghĩa vụ cấp dưỡng của con đối với cha mẹ.
- Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa anh, chị, em.
- Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu.
- Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bổ sung thêm nghĩa vụ cấp dưỡng giữa cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột.

1.1.2. Sự khác biệt giữa nghĩa vụ cấp dưỡng và nuôi dưỡng

Pháp luật Việt Nam đã có những quy định cụ thể về nghĩa vụ cấp dưỡng và nghĩa vụ nuôi dưỡng. Ta có thể nói rằng, nghĩa vụ cấp dưỡng là nghĩa vụ được xác lập trong những trường hợp do luật dự kiến giữa những người có quan hệ nuôi dưỡng. Một cách tổng quát, nghĩa vụ cấp dưỡng có thể coi là một hình thức thể hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng và hình thức này xuất hiện khi các bên trong quan hệ nuôi dưỡng không còn sống chung

¹ Bộ tư pháp viện khoa học pháp lý: *Bình luận luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.290.

dưới một mái nhà. Do đó, xét dưới góc độ luật học thì hai nghĩa vụ này có mối quan hệ nội tại với nhau. Xuất phát từ mối quan hệ nội tại đó mà trong những điều kiện nhất định hai nghĩa vụ này có thể thay thế cho nhau và cũng chính vì điều đó khiến cho nhiều người nhầm lẫn cấp dưỡng là nuôi dưỡng và nuôi dưỡng là cấp dưỡng. Trong một số trường hợp sự nhầm lẫn đó không gây hại đến quyền và lợi ích của chủ thể trong hai mối quan hệ đó. Nhưng trong quá trình giải quyết án hôn nhân và gia đình của Tòa án nếu chúng ta không phân biệt được đâu là nghĩa vụ cấp dưỡng đâu là nghĩa vụ nuôi dưỡng đều sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên.

Ta thấy rằng, nghĩa vụ nuôi dưỡng được xác lập từ một trong ba mối quan hệ sau: quan hệ hôn nhân, huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, nên nghĩa vụ nuôi dưỡng và nghĩa vụ cấp dưỡng có cùng chủ thể. Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định tại các Điều 36, 47 và Điều 48 những người có nghĩa vụ nuôi dưỡng nhau bao gồm: cha mẹ và con, anh chị em với nhau, giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu. Còn tại Điều 50 của Luật quy định nghĩa vụ cấp dưỡng cũng được thực hiện giữa: cha mẹ và con, giữa anh chị em với nhau, giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu, giữa vợ và chồng. Theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tại Điều 71, 104, 105 và Điều 106 chủ thể của quan hệ nuôi dưỡng, chủ thể của nghĩa vụ cấp dưỡng ghi nhận tại các Điều 110, 112, 113, 114 và Điều 115 bao gồm: cha mẹ và con; anh chị em với nhau; ông bà nội, ông bà ngoại và cháu; giữa cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột; tại Điều 115 cấp dưỡng giữa vợ và chồng. Đồng thời, hai nghĩa vụ này khi phát sinh thì cần có điều kiện và điều kiện phát sinh đó có nét tương đồng như: một hoặc nhiều người trong số những người có quan hệ gia đình với nhau nhưng không có khả năng để tự nuôi mình và những người khác có khả năng để nuôi dưỡng hoặc cấp dưỡng. Việc cấp dưỡng ta đã biết qua khái niệm tại khoản 11 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 24 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, còn nghĩa vụ nuôi dưỡng tuy không được khái niệm chính thức trong Luật hôn nhân và gia đình nhưng nghĩa vụ nuôi dưỡng cũng được nhắc nhiều trong các đạo luật. Quan hệ nuôi dưỡng không chỉ là việc chi phí tiền bạc, tài sản mà còn chứa đựng hành vi chăm sóc, nuôi nấng trực tiếp. Nuôi dưỡng là cơ sở của việc cấp dưỡng, nuôi dưỡng có thể thực hiện trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua việc cấp dưỡng. Xét về mặt nội dung nghĩa vụ nuôi dưỡng có phạm vi rộng hơn cấp dưỡng, nuôi dưỡng là quan hệ mang tính chất tự nhiên, đạo đức nên cha, mẹ, con,... phải nuôi dưỡng lẫn nhau bằng chính khả năng của mình có thể. Trong quan hệ nuôi dưỡng thì người được nuôi dưỡng và người có nghĩa vụ nuôi dưỡng sống trong cảnh “*đói cùng chịu, no cùng hưởng*”. Ví dụ: Cha, mẹ dù khó khăn, túng thiếu cũng nuôi dưỡng cho con mình. Còn nghĩa vụ cấp dưỡng phải xét đến nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng và khả năng kinh tế của người cấp

duỡng,... Nghĩa vụ nuôi dưỡng của cha mẹ đối với con tức là phải chu cấp cho con, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của con trong việc ăn, mặc, học tập, khám chữa bệnh,..Trong khi

nghĩa vụ cấp dưỡng đặt ra trong trường hợp khi cha mẹ ly hôn thì người cha hoặc mẹ không sống chung với con hay nói cách khác là người không trực tiếp nuôi con chưa thành niên hoặc con đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, phải thực hiện cấp dưỡng cho con; con đã thành niên không sống chung với cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cha, mẹ không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình được quy định tại Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 82, Điều 110, Điều 111 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, để phân biệt hai nghĩa vụ này phải dựa vào yếu tố không gian giữa chủ thể của quan hệ cấp dưỡng và quan hệ nuôi dưỡng. Theo quy định của luật thì người có quan hệ nuôi dưỡng không cùng sống chung với nhau thì khi đó nghĩa vụ cấp dưỡng phát sinh.

Nếu trong quan hệ nuôi dưỡng, người được nuôi dưỡng và người có nghĩa vụ nuôi dưỡng sống chung với nhau thì ngược lại trong quan hệ cấp dưỡng người được cấp dưỡng và người có nghĩa vụ cấp dưỡng không cùng sống chung với nhau. Ngoài ra, trong trường hợp cha mẹ cấp dưỡng cho con thì khi cha, mẹ sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng vẫn phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng (Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014). Ở đây, người viết chỉ xét trường hợp sống chung không vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng để phân biệt hai nghĩa vụ này. Do đó, vấn đề đặt ra là cần hiểu thế nào là “*sống chung*” và thế nào là “*không cùng sống chung*”. Hiện nay có ba quan điểm khác nhau về “*sống chung*”.

- Quan điểm thứ nhất: Những người sống chung là người có cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.
- Quan điểm thứ hai: Chỉ coi là sống chung khi họ cùng sinh sống thường xuyên dưới một mái nhà và không phụ thuộc vào nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.
- Quan điểm thứ ba: Việc xác định thế nào là những người sống chung với nhau không phụ thuộc vào nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú mà căn cứ vào nguồn tài chính để đảm bảo nhu cầu vật chất hằng ngày của họ. Do đó, những người được coi là sống chung khi họ có cùng quỹ tiêu dùng.²

Từ những quan điểm khác nhau về “*sống chung*”, có thể thấy rằng quan điểm thứ ba đầy đủ hơn vì trong thực tế có những người có cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú nhưng lại không cùng ăn chung, ở chung. Ví dụ: Cha mẹ cho con ăn riêng trong khi họ vẫn ở chung một nhà với nhau. Bên cạnh đó, cũng có trường hợp những người có nơi đăng ký hộ khẩu khác nhau lại “*ăn chung, ở chung*” với nhau. Ví dụ: Anh A và chị B là vợ chồng, hai anh chị có nơi đăng ký hộ khẩu khác nhau nhưng sống chung với nhau ở Hà Nội.

²Trần Thị Hoàn: *Một số vấn đề cấp dưỡng trong trường hợp ly hôn*, Luận văn tốt nghiệp, tr.5.

Cho đến nay, nhà làm luật chưa có văn bản hướng dẫn thế nào là không cùng sống chung. Như vậy, theo quan điểm thứ ba thì những người “*không cùng sống chung*” là những người không có quỹ tiêu dùng chung. Điều đó có nghĩa là khi xem xét một quan hệ có phải là quan hệ cấp dưỡng hay quan hệ nuôi dưỡng cần xác định giữa các chủ thể này có quỹ tiêu dùng chung hay không? Khi họ không có quỹ tiêu dùng chung thì quan hệ giữa họ là quan hệ cấp dưỡng. Tuy nhiên, cũng có những trường hợp dù sống chung một nhà, dù có quỹ dùng chung nhưng người có nghĩa vụ nuôi dưỡng lại không quan tâm đến người được nuôi dưỡng. Ví dụ: Vợ hoặc chồng ở xa không đóng góp thu nhập vào khối tài sản chung để đảm bảo nuôi con. Lúc này nghĩa vụ nuôi dưỡng chuyển thành nghĩa vụ cấp dưỡng. Theo khoản 2 Điều 50 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 2 Điều 107 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Trong trường hợp người có nghĩa vụ nuôi dưỡng mà trốn tránh nghĩa vụ đó thì buộc phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của Luật này*”.

Từ sự phân tích trên có thể thấy rằng ranh giới để xác định đâu là nghĩa vụ cấp dưỡng đâu là nghĩa vụ nuôi dưỡng thật khó. Tuy vậy, không phải vì khó mà chúng ta có thể đánh đồng cấp dưỡng và nuôi dưỡng. Cần phải xác định khi nào thì nghĩa vụ cấp dưỡng phát sinh, khi nào thì nghĩa vụ nuôi dưỡng phát sinh để đảm bảo quyền lợi cho các chủ thể trong quan hệ đó. Đặc biệt, là những chủ thể chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

1.2. Khái niệm về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn

Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con phát sinh trên cơ sở cha mẹ có nghĩa vụ “*cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con*” được quy định tại Điều 36 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 71 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nuôi con là trách nhiệm của cha mẹ, không phụ thuộc vào cha mẹ có quan hệ hôn nhân hay đã chấm dứt quan hệ hôn nhân hoặc không có quan hệ hôn nhân. Khi ly hôn vợ chồng không cùng sống chung trong một căn nhà, không thể cùng nhau chăm sóc, dạy dỗ và lo toan cho con nhưng cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con của mình (Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 92 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000). Ngoài ra, sau khi đã ly hôn thì việc trực tiếp thực hiện trách nhiệm này thuộc về một người cha hoặc mẹ. Đối với cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con thì quyền và nghĩa vụ này đã chuyển thành nghĩa vụ cấp dưỡng ghi nhận tại khoản 1 Điều 92 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “*cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Do phải làm quen với cuộc sống mới lại một mình nuôi con, người trực tiếp nuôi con sẽ gặp nhiều khó khăn nếu như người không trực tiếp nuôi con không chia sẻ gánh nặng này. Nếu như thăm nom con là sự bù

đáp cho con những thiếu thốn về mặt tình cảm thì cấp dưỡng nuôi con là sự đóng góp để đảm bảo cho con sự đầy đủ tối thiểu về mặt vật chất. Vì vậy, Luật hôn nhân và gia

đình năm 2000 quy định nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn tại Điều 56: *“khi ly hôn, cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con chưa thành niên hoặc con đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”*. Theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được quy định từ Điều 81 đến Điều 84, tại Điều 81 cha, mẹ sau khi ly hôn vẫn có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con nhưng người không trực tiếp nuôi con phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng (Điều 82). Và việc cấp dưỡng của cha mẹ cho con cũng được ghi nhận tại Điều 110 như sau: *“cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên hoặc con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”*. Ta có thể nói rằng, quan hệ cha mẹ - con không lệ thuộc vào tính chất của quan hệ giữa cha và mẹ. Bởi vậy, sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con vẫn luôn có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, trong điều kiện cha mẹ ly hôn và con phải sống chung với một trong hai người, người không trực tiếp nuôi dưỡng con có thể thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng dưới hình thức cấp dưỡng và người trực tiếp nuôi dưỡng có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện việc cấp dưỡng, thay cho việc nuôi dưỡng theo những thể thức bình thường được áp dụng lúc cha mẹ còn duy trì quan hệ hôn nhân. Cần nhấn mạnh rằng con được cấp dưỡng phải là con chung của vợ và chồng, luật không phân biệt con chung ấy là con ruột hay con nuôi.

Cũng theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 khoản 2 Điều 17, trong trường hợp việc kết hôn giữa cha mẹ bị huỷ, thì quyền lợi của con được giải quyết như trong trường hợp cha mẹ ly hôn. Theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con trong việc huỷ kết hôn trái pháp luật vẫn được giải quyết như quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con khi ly hôn (khoản 2 Điều 12). Bởi vậy, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì khi việc kết hôn bị huỷ, người không trực tiếp nuôi con chưa thành niên hoặc con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ta thấy, Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về việc huỷ kết hôn trái pháp luật không có gì thay đổi so với Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Bên cạnh đó, Luật cũng ghi nhận trường hợp cha, mẹ đã bị Tòa án hạn chế quyền đối với con chưa thành niên vẫn phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con (khoản 3 Điều 87), còn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì là nghĩa vụ nuôi dưỡng (khoản 3 Điều 43) con. Như vậy, sau khi ly hôn, quan hệ pháp lý giữa cha mẹ và con vẫn không hề thay đổi. Thực tế thì để tồn tại,

trước hết con người phải có vật chất để đảm bảo cuộc sống tối thiểu của mình. Vì vậy, cấp dưỡng nuôi con là một nghĩa vụ không phải bàn cãi. Người không trực tiếp nuôi con

dù muốn hay không đều phải thực hiện trách nhiệm của mình. Nếu như pháp luật không thể dùng các biện pháp cưỡng chế để ép buộc họ thực hiện nghĩa vụ về mặt tình cảm thì ngược lại, pháp luật có thể quy định những biện pháp để họ thực hiện những nghĩa vụ về mặt vật chất. Có thể người không trực tiếp nuôi con sẽ cấp dưỡng do bị dùng các biện pháp cưỡng chế nhưng dù sao thì mục đích của việc cấp dưỡng vẫn đạt được.

Trên tinh thần của Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 24 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định chung về cấp dưỡng và sự phân tích trên, chúng ta có thể rút ra khái niệm nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con sau khi ly hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn là việc cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con đóng góp tiền hoặc tài sản khác để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của con chưa thành niên hoặc con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình”*. Do Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chưa có văn bản hướng dẫn thi hành nên theo Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP quy định *“đây là nghĩa vụ của cha mẹ; do đó không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng vì lý do nào đó thì Tòa án cần giải thích cho họ hiểu rằng việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con để họ biết nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con. Nếu xét thấy việc họ không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện, họ có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con thì Tòa án không buộc bên kia phải cấp dưỡng nuôi con”*. Khi ly hôn, việc chăm sóc con sẽ dồn lên vai một người, vì vậy việc nuôi dưỡng con sẽ gặp nhiều khó khăn so với trước đây. Vì vậy, sự đóng góp vật chất để nuôi con là rất cần thiết. Đó không chỉ là để duy trì cuộc sống ổn định cho con mà còn thể hiện tinh thần trách nhiệm của cha mẹ. Do đó, đây không chỉ là nghĩa vụ mà còn là quyền lợi của người không trực tiếp nuôi con. Người trực tiếp nuôi con không thể vì hết tình cảm với người không trực tiếp nuôi con hay vì tự ái mà để cho những đứa con phải chịu thiệt thòi, thiếu thốn. Người không trực tiếp nuôi con cũng không thể viện lý do người kia có đầy đủ điều kiện để nuôi con mà trốn tránh nghĩa vụ của mình. Bởi vì, nuôi con không chỉ là nghĩa vụ pháp lý mà nó còn là trách nhiệm của cha mẹ.

1.3. Lược sử hình thành chế định cấp dưỡng

1.3.1. Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn trong hệ thống pháp luật Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945

Trong mỗi thời kỳ khác nhau của lịch sử, pháp luật điều có sự thay đổi cùng với sự biến đổi của xã hội. Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, quan hệ hôn nhân và gia

đình chưa được ghi nhận riêng biệt ở một văn bản pháp luật nào của Việt Nam. Các quy định về bảo vệ quyền lợi của con khi cha mẹ ly hôn còn rất ít ỏi và sơ lược. Điểm đáng

chú ý nhất là quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của cha mẹ khi ly hôn ở các Bộ luật trong thời kỳ Pháp thuộc. Dưới thời kỳ phong kiến, quan hệ về cấp dưỡng đã được quy định trong pháp luật nhà Lê qua Bộ Luật Hồng Đức, nhà Nguyễn qua Bộ Luật Gia Long.

Dưới triều Lê mô hình gia đình được pháp luật xây dựng là đại gia đình theo chế độ phụ hệ, trong đó quyền uy của người gia trưởng rất lớn để đảm bảo nền tảng vững chắc của gia đình. Vì ngay thời quân chủ phong kiến đại gia đình được coi là nền móng của quốc gia. Do đó, quyền của người gia trưởng cũng như quy chế pháp lý của những người thân thiện cùng sống chung một đại gia đình đã được pháp luật quy định. Tại Điều 161 Hồng Đức Thiện Chính Thư đã quy định như sau: *“Làm người phải coi trọng sự giáo dưỡng, cha hiền, con hiếu làm đầu, làm cha mẹ người ta, phải cấp dưỡng cho con áo, không nên vì đũa con một buổi sớm dỗi không ăn, mà cha mẹ giận dỗi đồ bỏ đi”*.³

Pháp luật thời Lê cũng như pháp luật thời phong kiến cho thấy chỉ duy nhất điều răn trên là nói về nghĩa vụ của cha mẹ trong việc nuôi nấng con cái, bên cạnh lời răn đối với cha mẹ trong việc cấp dưỡng cho con là lời răn đối với con trong việc phụng dưỡng cha mẹ: *“Làm người con thì phải kính nuôi cha mẹ, không được hiềm vì nỗi nghèo khó mà để đến nỗi bội nghĩa cha mẹ. Trái lệnh thì phải chiếu luật mà luận tội, để trọn thâm tình đối với hai thân”*⁴ (Điều 161). Chữ hiếu không chỉ dừng trong phạm vi hẹp là nghĩa vụ của con đối với cha mẹ và rộng hơn nữa là nghĩa vụ của con cháu đối với bề trên. Quốc triều hình luật quy định *“Con cháu trái lời dạy bảo và không phụng dưỡng bề trên, mà bị ông bà, cha mẹ trình lên quan thì bị xử tội đồ làm khao đình”* (Điều 506) và *“Con không hiếu thảo nuôi cha mẹ sẽ bị tội tám mươi trượng, biếm ba tư và đồ làm khao đình”* (Đoạn 43, Hồng Đức Chính Thư).⁵

Trong Quốc triều hình luật đối với quan hệ hôn nhân và gia đình nhà làm Luật triều Lê một mặt mặc nhiên thừa nhận phong tục tập quán, mặt khác đề ra những chế tài nghiêm khắc đối với các vi phạm. Những vấn đề về phân chia con cái sau khi cha mẹ ly hôn không được quy định trong Bộ luật⁶, nên ta có thể thấy nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con sau khi ly hôn cũng không được ghi nhận.

Dưới triều Nguyễn, nhà Nguyễn rất coi trọng pháp luật. Bộ Hoàng Việt Luật Lệ được ban hành vào năm 1815 và được soạn theo với tinh thần đề cao quyền uy của vua và triều đình, nội dung chủ yếu là hình luật và hình phạt hết sức hà khắc. Trong thời kỳ này, khuôn mẫu gia đình theo mô hình gia đình phụ quyền, đề cao vai trò của người đàn ông trong gia đình, quyền lợi của người phụ nữ ít được đề cập. Trong quan hệ giữa các thành viên trong gia đình thì cha mẹ có quyền và nghĩa vụ cơ bản như: nuôi dưỡng, giáo

³ Lê Thạch Hương: *Quan hệ cấp dưỡng trong Luật hôn nhân và gia đình hiện hành*, Luận văn tốt nghiệp, tr.1.

⁴ Lê Thạch Hương: *Quan hệ cấp dưỡng trong Luật hôn nhân và gia đình hiện hành*, Luận văn tốt nghiệp, tr.2.

⁵ Lê Thạch Hương: *Quan hệ cấp dưỡng trong Luật hôn nhân và gia đình hiện hành*, Luận văn tốt nghiệp, tr.2.

⁶ Lê Minh Tâm, Vũ Thị Nga: *Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Trường đại học luật Hà Nội, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2008, tr. 240, 245.

dục, quyết định việc ăn, ở, chia tách hộ khẩu, quyết định hôn nhân của con cái với tư cách chủ hôn (Điều 82, Điều 109). Đồng thời, con cái có bổn phận làm tròn đạo hiếu. Luật Gia Long quy định một số nghĩa vụ cơ bản sau: phải vâng lời dạy bảo, phụng dưỡng ông, bà, cha, mẹ. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn thì quan hệ nhân thân và tài sản chấm dứt, con cái chủ yếu sống với cha, luật không quy định con cái sống với mẹ. Luật không đề cập vấn đề cấp dưỡng của cha mẹ khi ly hôn mà chỉ đề cập quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng của cha mẹ⁷.

Như vậy, Pháp luật thời phong kiến quan tâm đặc biệt đối với nghĩa vụ phụng dưỡng của con, cháu đối với cha mẹ, ông bà, pháp luật thời kỳ này quy định nghĩa vụ nuôi dưỡng mà không quy định nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn. Bởi lẽ, pháp luật thời kỳ này quy định vợ chồng có nghĩa vụ đồng cư. Khi người vợ sinh con, đứa con được sống chung với cha mẹ và được cha mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong trường hợp cha mẹ ly hôn, các con được ở lại với cha, tất cả tài sản được coi là tài sản riêng của người mẹ được gộp vào tài sản của người chồng thành một khối do người cha nắm giữ và dùng để nuôi con. Trong trường hợp hai vợ chồng chia nhau nuôi con thì thông thường họ thường chia nhau tài sản. Vì vậy, vấn đề cấp dưỡng của cha mẹ cho con khi ly hôn không cần phải đặt ra. Và pháp luật thời kỳ này không cho phép người con ngoài gia thú được quyền kiện tìm cha để hưởng quyền cấp dưỡng. Do đó, cấp dưỡng của cha đối với con ngoài giá thú không được pháp luật quy định.

Sang thời kỳ Pháp thuộc, nước ta chia làm ba miền Bắc, Trung, Nam. Ở miền Bắc có Bộ dân luật Bắc Kỳ 1931. Ở miền Trung có Bộ Dân luật Trung Kỳ 1936. Ở miền Nam có Dân luật giản yếu năm 1883. Riêng Bộ Dân luật giản yếu chịu nhiều ảnh hưởng của Bộ dân luật Pháp nên nhìn chung nội dung của nó khác hẳn với tinh thần luật pháp truyền thống của Việt Nam⁸. Vấn đề gia đình không được coi trọng, vấn đề cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình hầu như không được ghi nhận trong bộ luật này nên quan hệ về gia đình nói chung và quan hệ về cấp dưỡng nói riêng chủ yếu dựa vào các quy định của hai bộ luật miền Bắc và miền Trung. Pháp luật thời kỳ này quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ - con một cách rõ nét hơn so với pháp luật thời phong kiến. Trong quan hệ cha mẹ và con, pháp luật quy định cha mẹ có nghĩa vụ nuôi nấng, cư mang con. Điều đó thể hiện trong quy định về nghĩa vụ vợ chồng tại Điều 91 Bộ dân luật Bắc Kỳ và Bộ dân luật Trung Kỳ: *“Vợ chồng phải cùng nhau làm cho gia đình hưng thịnh và lo toan việc nuôi nấng, dạy dỗ con cái”*⁹. Xuất phát từ nghĩa vụ nuôi nấng con mà trong đó chứa đựng nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Về quan hệ cha mẹ và con, xuất

⁷ Lê Minh Tâm, Vũ Thị Nga: *Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Trường đại học luật Hà Nội, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2008, tr. 336-342.

⁸ Bộ tư pháp viện khoa học pháp lý: *Bình luận luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 14-15.

phát từ nghĩa vụ nuôi nấng, chăm sóc, giáo dục con mang của cha mẹ đối với con mà pháp luật quy định trong trường hợp cha hoặc mẹ không chung sống với con để thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải cấp dưỡng cho con. Điều 182 Bộ dân luật Bắc Kỳ và Điều 180 Bộ dân luật Trung Kỳ quy định: “*Khi toà án tuyên bố một người đàn ông là cha của đứa con ngoài giá thú thì đồng thời toà án phải tuyên bố người đó phải cấp dưỡng cho đứa con đến khi nó 18 tuổi. Nếu cha đón đứa con về nhà nuôi dưỡng, chăm sóc như con chính thức thì không phải cấp dưỡng nữa*”.¹⁰

Như vậy, pháp luật thời kỳ này quy định nghĩa vụ cấp dưỡng của cha đối với con ngoài gia thú. Bên cạnh đó, pháp luật thời kỳ này cũng quy định vấn đề nuôi con nuôi và khẳng định con nuôi có quyền được cha mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc như con đẻ. Vì vậy, cha mẹ nuôi phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nuôi và đối đãi như con đẻ (Điều 193 Bộ dân luật Bắc Kỳ và Bộ dân luật Trung Kỳ).

Tóm lại, pháp luật trước Cách mạng tháng Tám đã quy định các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ cấp dưỡng cho nhau. Mặc dù, chưa có sự phân biệt rõ ràng giữa nghĩa vụ cấp dưỡng và nghĩa vụ nuôi dưỡng nhưng trong từng hoàn cảnh khác nhau đã cho ta thấy rõ nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định và tồn tại song song với nghĩa vụ nuôi dưỡng. Do vậy, thời kỳ này án lệ được áp dụng khá rộng rãi trong quá trình giải quyết các quan hệ về hôn nhân và gia đình. Vấn đề cấp dưỡng giữa cha mẹ và con bên cạnh áp dụng các quy định của pháp luật còn có sự vận dụng hợp lý các phong tục, tập quán truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam.

1.3.2. Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn trong hệ thống pháp luật Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945

1.3.2.1. Luật hôn nhân và gia đình trong giai đoạn sự nghiệp cách mạng nước ta thực hiện hai nhiệm vụ: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam (sau 1945 - 1975)

Mọi Nhà nước đều có cơ cấu tổ chức và được điều chỉnh bằng một hệ thống pháp luật khác nhau, trên cơ sở thừa kế chọn lọc và xoá bỏ cho phù hợp với xã hội trong chế độ Nhà nước của mình. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà ra đời (2/9/1945), tình hình xã hội về mọi mặt kinh tế, chính trị, quân sự và phát triển của phong trào giải phóng phụ nữ đòi hỏi phải xoá bỏ một số chế định trong Bộ dân luật cũ¹¹ về các quan hệ hôn nhân và gia đình đang cản trở bước tiến của xã hội. Đồng thời, Nhà nước ta cần phải quy định những nguyên tắc mới về hôn nhân và gia đình cho phù hợp với thực tế. Năm 1946, Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà ra đời đã đánh dấu bước ngoặt lớn trong lịch sử lập pháp của nước ta. Hiến pháp đã ghi nhận bình đẳng nam nữ về mọi mặt. Đó là cơ sở pháp lý vô

¹⁰Lê Thạch Hương: *Quan hệ cấp dưỡng trong Luật hôn nhân và gia đình hiện hành*, Luận văn tốt nghiệp, tr.3.

¹¹ Bộ tư pháp viện khoa học pháp lý: *Bình luận luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.20

cùng quan trọng để xây dựng chế độ hôn nhân và gia đình mới dân chủ và tiến bộ. Năm 1950, Nhà nước ta đã ban hành hai Sắc lệnh đầu tiên về hôn nhân và gia đình đó là Sắc lệnh số 97/SL và Sắc lệnh số 159/SL. Sắc lệnh số 97/SL ngày 22/05/1950 có 15 Điều, nội dung chủ yếu của Sắc lệnh này quy định:

- Xoá bỏ tính phong kiến của quyền gia trương cũ, con đã thành niên lấy vợ, lấy chồng không cần sự đồng ý của cha mẹ.
- Xoá bỏ việc cấm kết hôn trong thời kỳ gia đình có tang, thực hiện nam nữ bình đẳng trong gia đình.¹²

Sắc lệnh 159/SL quy định về vấn đề ly hôn. Trong Sắc lệnh này có quy định bảo vệ quyền lợi của con chưa thành niên khi cha mẹ ly hôn. Tại Điều 6 của Sắc lệnh quy định: *“Toà sẽ căn cứ vào quyền lợi của con vị thành niên để ấn định việc trông nom, nuôi nấng và dạy dỗ chúng. Hai vợ chồng đã ly hôn phải cùng nhau chịu phí tổn về việc nuôi dạy con, mỗi bên tuỳ theo khả năng của mình”*¹³. Ta thấy Sắc lệnh 159/SL chưa có quy định cụ thể về cấp dưỡng mà chỉ được xem là cấp dưỡng dưới hình thức là *“góp phí tổn để nuôi dạy con”*.

Như vậy, cả hai Sắc lệnh này đã góp phần đáng kể xoá bỏ chế độ hôn nhân và gia đình phong kiến lạc hậu. Hai Sắc lệnh đều đưa ra những quy định bảo vệ quyền lợi của con và cũng như quy định gián tiếp vấn đề cấp dưỡng cho con khi cha mẹ ly hôn.

Những tàn tích của chế độ hôn nhân và gia đình cũ còn tác động mạnh mẽ vào đời sống gia đình và xã hội cùng với sự tác động của chế độ kinh tế mới, gia đình Việt Nam thay đổi rất nhanh về quy mô tổ chức và nội dung của các quan hệ nội bộ. Sắc lệnh số 97/SL và Sắc lệnh 159/SL đã hoàn thành vai trò lịch sử, góp phần vào việc xoá bỏ chế độ hôn nhân và gia đình phong kiến lạc hậu nhưng không còn đáp ứng được tình hình phát triển của cách mạng. Mặt khác, hai Sắc lệnh này quá đơn giản và còn nhiều hạn chế, nhiều vấn đề xảy ra trong xã hội mà hai Sắc lệnh này chưa quy định để điều chỉnh. Với những lý do trên *“việc ban hành đạo luật mới về hôn nhân và gia đình đã trở thành một đòi hỏi cấp bách cho toàn thể xã hội - Đó là tất yếu khách quan thúc đẩy sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta”* (tờ trình của Chính phủ trước Quốc hội ngày 23/12/1959 về dự thảo Luật hôn nhân và gia đình - công báo số 1/1960)¹⁴. Đến ngày 31/12/1959 Quốc hội thông qua Hiến pháp năm 1959, Điều 24 Hiến pháp ghi nhận quyền bình đẳng giữa nam và nữ về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội và gia đình, là cơ sở pháp lý cho chế độ hôn nhân và gia đình. Sau cuộc điều tra khảo sát tình

¹²

Ngô Văn Thâu: *Pháp luật về hôn nhân và gia đình trước và sau Cách mạng tháng Tám*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2005, tr.64-67.

¹³ Ngô Văn Thâu: *Pháp luật về hôn nhân và gia đình trước và sau Cách mạng tháng Tám*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2005, tr.67-68.

Hà Thị Mai Hiền, Nguyễn Văn Cừ, Ngô Thị Hường, Nguyễn Phương Lan, Bùi Minh Hồng: *Giáo trình luật hôn*

nhân và gia đình Việt Nam, Trường đại học luật Hà Nội, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2002, tr.66-67.

hình thực tế các quan hệ hôn nhân và gia đình, lấy ý kiến thảo luận, đóng góp, bổ sung của nhân dân, ngày 29/12/1959 dự Luật hôn nhân và gia đình năm chính thức được thông qua và được Chủ tịch nước ký lệnh công bố ngày 13/01/1960¹⁵. Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 là công cụ pháp lý có tác dụng một mặt góp phần thực hiện chế độ hôn nhân và gia đình mới xã hội chủ nghĩa, mặt khác góp phần xoá bỏ những tàn tích của chế độ hôn nhân và gia đình phong kiến lạc hậu. Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 gồm 6 Chương chia thành 35 Điều quy định những vấn đề nguyên tắc chung; kết hôn; nghĩa vụ và quyền lợi của vợ chồng; quan hệ giữa cha mẹ và con; ly hôn, Luật không có quy định chính thức về cấp dưỡng cho con mà chỉ nhắc đến vấn đề đóng góp phí tổn nuôi con khi vợ chồng ly hôn quy định tại Điều 32 và Điều 33. Cụ thể tại Điều 32 quy định: *“Khi ly hôn, việc giao cho ai trông nom, nuôi nấng và giáo dục con cái chưa thành niên, phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con cái. Về nguyên tắc, con còn bú phải do mẹ phụ trách. Người không giữ con vẫn có quyền thăm nom, săn sóc con.*

Vợ chồng đã ly hôn phải cùng chịu phí tổn về việc nuôi nấng và giáo dục con, mỗi người tùy theo khả năng của mình”. Và theo quy định tại Điều 17: *“Cha mẹ có nghĩa vụ thương yêu, nuôi nấng, giáo dục con cái; Con cái có nghĩa vụ kính yêu, chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ”.*

1.3.2.2. *Luật hôn nhân và gia đình giai đoạn cả nước thống nhất trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (từ 1975 – trước 01/01/2001)*

Ngày 18/12/1980, Hiến Pháp thứ ba của nước ta ra đời, Hiến pháp năm 1980 đã quy định về các nguyên tắc của chế độ hôn nhân và gia đình đã làm nền tảng cho bước phát triển mới của Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời, quá trình thực hiện Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 đã đạt được những thành tựu to lớn, góp phần xoá bỏ những tàn tích lạc hậu của chế độ hôn nhân và gia đình phong kiến. Tình hình nước ta đã thay đổi về căn bản so với những năm 1959. Việc áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 một số điều không phù hợp. Việc ban hành Luật hôn nhân và gia đình mới là một tất yếu khách quan để thúc đẩy sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn quốc.

Ngày 25/12/1986, Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 chính thức được Quốc hội khoá VII kỳ họp thứ 12 thông qua và được Hội đồng Nhà nước công bố ngày 03/01/1987¹⁶. Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 cũng đã có những quy định về cấp dưỡng tại các Điều 19, 20, 21 và Điều 26 về nuôi dưỡng giữa cha mẹ và con; Điều 27 về quan hệ giữa ông bà - cháu, giữa anh, chị - em ruột thịt; Điều 43 quy định về cấp dưỡng

¹⁵ Hà Thị Mai Hiền, Nguyễn Văn Cừ, Ngô Thị Hường, Nguyễn Phương Lan, Bùi Minh Hồng: *Giáo trình luật hôn nhân và gia đình Việt Nam*, Trường đại học luật Hà Nội, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2002, tr.67-68.

¹⁶ Hà Thị Mai Hiền, Nguyễn Văn Cừ, Ngô Thị Hường, Nguyễn Phương Lan, Bùi Minh Hồng: *Giáo trình luật hôn nhân và gia đình Việt Nam*, Trường đại học luật Hà Nội, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2002, tr.70-71.

của vợ chồng khi ly hôn; Điều 45 quy định về đóng góp phí tổn nuôi dưỡng con khi cha mẹ ly hôn như sau: *“Khi ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trông nom, nuôi nấng, giáo dục phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Về nguyên tắc, con còn bú được giao cho người mẹ nuôi dưỡng. Người không nuôi dưỡng con có nghĩa vụ và quyền thăm nom, chăm sóc con và phải đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con”*. Như vậy, nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn cũng chưa được Luật quy định cụ thể mà chỉ dưới hình thức phí tổn nuôi dưỡng.

1.3.2.3. Giai đoạn Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (từ 01/01/2001 – trước 01/01/2015)

Ta thấy rằng, Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 và Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 chỉ điều chỉnh việc cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn dưới hình thức *“đóng góp phí tổn nuôi dưỡng”*. Tuy Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 và Luật hôn nhân và gia đình năm 1968 có nhắc đến cụm từ *“cấp dưỡng”* nhưng thuật ngữ này vẫn chưa được quy định cụ thể. Trong điều kiện hiện nay, với sự ra đời của Hiến pháp năm 1992 là cơ sở pháp lý cho chế độ hôn nhân và gia đình Việt Nam quy định tại các Điều 30, 35, 40, 63 và Điều 64. Đồng thời, do tác động của nền kinh tế thị trường đã ảnh hưởng nhiều đến các quan hệ hôn nhân và gia đình. Và trong quá trình vận dụng và thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 đã nảy sinh nhiều điểm bất cập cần được sửa đổi và bổ sung cho phù hợp với tình hình mới. Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 của Nhà nước ta được Quốc hội khoá X thông qua đã dành một chương riêng quy định về cấp dưỡng một cách hệ thống, đầy đủ và cụ thể. Tuy nhiên, do còn thiếu sót nên Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều vào năm 2010. Theo quy định tại khoản 11 Điều 8, Điều 56, Điều 92 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đã quy định khá cụ thể về cấp dưỡng và nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn. Sau khi ly hôn nếu cha hoặc mẹ không sống chung trực tiếp với con sẽ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu về vật chất cho con. Đây là điểm mới phát triển hơn so với Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 vì Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 chưa ghi đích danh nghĩa vụ cấp dưỡng mà chỉ là *“phí tổn nuôi dưỡng”* của cha mẹ đối với con khi ly hôn. Đồng thời, chủ thể được cấp dưỡng được mở rộng hơn cả với *“người đã thành niên”* nhưng phải thoả điều kiện do luật quy định. Tại khoản 11 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đã định nghĩa về cấp dưỡng như sau: *“Cấp dưỡng là việc một người có nghĩa vụ đóng góp tiền hoặc tài sản khác để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người không sống chung với mình mà có quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng trong trường hợp người đó là người chưa thành niên, là người đã thành niên mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi*

mình, là người gặp khó khăn, túng thiếu theo quy định của luật này” và tại Điều 56 quy định: “Khi ly hôn, cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con chưa thành niên hoặc con đã

thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”. Về mức, phương thức cấp dưỡng cũng được luật quy định rõ ràng tại Điều 53, Điều 54. Qua những quy định về cấp dưỡng mà quyền lợi của con được bảo đảm.

1.3.2.4. Giai đoạn Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đã cụ thể hoá, chi tiết hoá các quy định có tính khái quát, chung chung của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, đặc biệt là nghĩa vụ, quyền về nhân thân và tài sản của các thành viên trong gia đình. Luật cũng tránh được những quy định có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau trong quá trình áp dụng như Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Đồng thời, ở mỗi điều luật đều có tiêu đề cụ thể tạo thuận lợi cho việc tìm hiểu, tra cứu và áp dụng. Nhưng với tiến trình phát triển của xã hội, vấn đề hôn nhân và gia đình ngày càng trở nên phức tạp, nhiều quy định của pháp luật còn thiếu sót chưa điều chỉnh hoàn toàn các quan hệ hôn nhân và gia đình đặc biệt trong việc cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Do đó, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ VII sẽ có hiệu lực vào ngày 01/01/2015 thì vấn đề cấp dưỡng vẫn được ghi nhận (khoản 24 Điều 3). Ngoài ra, nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn được quy định cụ thể hơn. Kế thừa Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ khi không trực tiếp nuôi con và trực tiếp nuôi con ở từng điều luật riêng lẻ (Điều 82, Điều 83). Luật cũng quy định rõ ràng việc chăm sóc, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn của các bậc làm cha mẹ. Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng đã dành riêng một chương để điều chỉnh vấn đề cấp dưỡng. Luật đã quy định mở rộng mối quan hệ cấp dưỡng tại Điều 107 và Điều 114 về *“nghĩa vụ cấp dưỡng giữa cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột”* mà Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 chưa điều chỉnh. Việc cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con quy định tại Điều 110: *“cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên hoặc con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”*. Tuy Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vấn đề cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn có sửa đổi nhưng không nhiều. Cho dù có sửa đổi nhưng lúc nào Luật cũng hướng về những đứa trẻ không thể cùng sống chung với cả cha lẫn mẹ nhằm bảo đảm cho các em những điều kiện tốt nhất.

Như vậy, theo thời gian để phù hợp với sự nghiệp Cách mạng của đất nước, phù hợp với tình hình phát triển xã hội và thực tế các quan hệ về hôn nhân và gia đình. Nhà nước ta đã kịp thời ban hành các văn bản pháp luật về hôn nhân và gia đình trong đó có phần

nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn. Hệ thống pháp luật hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn dần được

hoàn thiện và là công cụ pháp lý của Nhà nước để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con khi cha mẹ ly hôn.

1.4. Đặc điểm về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn

Qua sự phân tích khái niệm nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn ta có thể thấy nghĩa vụ này có các đặc điểm sau:

- Thứ nhất: Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn phát sinh trên cơ sở quan hệ huyết thống hoặc nuôi dưỡng. Quan hệ huyết thống đó là quan hệ giữa cha mẹ (đẻ) với con (đẻ), còn quan hệ nuôi dưỡng là quan hệ giữa cha mẹ nuôi với con nuôi.

Các quan hệ này là cơ sở cho sự hình thành, tồn tại và phát triển của gia đình. Đồng thời, tình cảm cao đẹp giữa các thành viên trong gia đình cũng được hình thành trên cơ sở những quan hệ này. Xuất phát từ những mối quan hệ đó mà giữa các thành viên trong gia đình có sự gắn bó chặt chẽ về tình cảm và trách nhiệm đối với nhau. Truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta là tinh thần tương trợ, đùm bọc lẫn nhau, truyền thống tốt đẹp đó cũng được nuôi dưỡng trong môi trường gia đình. Ngày nay, mô hình gia đình chủ yếu được gắn kết bởi ba thế hệ liên nhau cùng sinh sống. Các thành viên trong gia đình có mối quan hệ gắn bó, gần gũi với nhau, họ có quyền và nghĩa vụ vừa mang tính chất đạo đức vừa mang tính chất pháp lý. Theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: *“Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con, giữa anh chị em với nhau, giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu, giữa vợ và chồng theo quy định của Luật này”*. Ta thấy, trong phạm vi quan hệ cấp dưỡng thì người có nghĩa vụ cấp dưỡng có quyền và nghĩa vụ tương trợ chăm sóc, đùm bọc về vật chất và cả tinh thần cho người được cấp dưỡng. Như vậy, Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đã xác định rõ phạm vi chủ thể của quan hệ cấp dưỡng đó là cấp dưỡng giữa cha mẹ và con, giữa anh chị em với nhau, giữa ông bà và cháu. Ngoài những chủ thể trên thì các chủ thể khác: chú, bác, cô, dì, cậu và cháu sẽ không phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng mặc dù họ là những người thừa kế ơ hàng thứ ba của nhau theo pháp luật. Quan hệ cấp dưỡng giữa chú, bác, cô, dì, cậu với cháu (nếu có) thường do quy phạm đạo đức điều chỉnh, vì dù sao giữa họ cũng tồn tại mối quan hệ về mặt tình cảm. Thấy được sự thiếu sót đó trong quan hệ cấp dưỡng các nhà làm luật đã ban hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để điều chỉnh nghĩa vụ cấp dưỡng giữa chú, bác, cậu, cô, dì ruột với cháu ruột quy định tại Điều 114 và Điều 107 của luật. Ta có thể thấy rằng, quan hệ cấp dưỡng thường hình thành một cách tự nhiên trên cơ sở đạo đức và quan hệ ruột thịt giữa con người với nhau theo phong tục tập quán. Sau đó, do trình độ lập pháp ngày càng tiến bộ quan hệ cấp dưỡng mới được điều chỉnh bởi quy phạm pháp luật và trở thành quan hệ

pháp luật. Phạm vi quan hệ cấp dưỡng tại Điều 50 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 là giữa những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng. Còn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 82, Điều 110 của

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn được hình thành trên cơ sở huyết thống và nuôi dưỡng. Nhìn chung chỉ trên cơ sở huyết thống hoặc nuôi dưỡng thì quan hệ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn mới phát sinh và được bảo vệ.

- Thứ hai: Nghĩa vụ cấp dưỡng gắn liền với nhân thân của người có nghĩa vụ cũng như người được cấp dưỡng. Do đó, nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác.

+ Tính nhân thân thể hiện ở chỗ *“không thể chuyển giao”* của nghĩa vụ này vì nó gắn liền với nhân thân của chủ thể, tức là người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho người khác thì không thể chuyển giao nghĩa vụ này cho người thứ ba cấp dưỡng thay cho mình, ngược lại người được cấp dưỡng cũng không được chuyển giao quyền nhận cấp dưỡng của mình cho người khác. Ví dụ: Cha mẹ sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nhưng người con không thể chuyển giao quyền nhận cấp dưỡng cho bạn mình.

+ Bên cạnh đó, đây cũng là loại nghĩa vụ *“không thể thay thế”* có thể hiểu một khi nghĩa vụ cấp dưỡng xuất hiện, người có nghĩa vụ cấp dưỡng hay cả người được cấp dưỡng cũng không được đơn phương hoặc thoả thuận việc thay thế nghĩa vụ cấp dưỡng cho người khác. Có nghĩa là bên có nghĩa vụ cấp dưỡng không thể cam kết sẽ dùng nghĩa vụ khác để thay thế bù trừ nghĩa vụ cấp dưỡng như bồi thường thiệt hại hay phạt vi phạm hoặc không thể sử dụng chúng để làm cơ sở bảo đảm cho nghĩa vụ khác.

Tính không thể chuyển giao và không thể thay thế của nghĩa vụ cấp dưỡng đã được ghi nhận tại Điều 50 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 379, Điều 381 của BLDS năm 2005 về việc không thể chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng bằng việc thay thế nghĩa vụ khác và không thể bù trừ nghĩa vụ trong trường hợp nghĩa vụ bù trừ là nghĩa vụ cấp dưỡng. Tại khoản 3 Điều 379 quy định: *“trong trường hợp nghĩa vụ dân sự là nghĩa vụ cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại do xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, uy tín và các nghĩa vụ khác gắn liền với nhân thân không thể chuyển giao cho người khác được thì không được thay thế bằng nghĩa vụ khác”* và tại khoản 3 Điều 381 quy định những trường hợp không được bù trừ nghĩa vụ dân sự là *“nghĩa vụ cấp dưỡng”*. Hơn thế nữa, đặc điểm này của nghĩa vụ cấp dưỡng cũng được các nhà làm luật ghi nhận tại Điều 107 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 như sau: *“nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác”*.

- Thứ ba: Nghĩa vụ cấp dưỡng không chỉ là nghĩa vụ mang tính chất nhân thân mà còn mang tính chất tài sản. Theo khoản 11 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 24 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“người có nghĩa vụ*

đóng góp tiền hoặc tài sản khác đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người không sống chung

với mình”. Đây là những cá nhân cụ thể có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi để tham gia quan hệ cấp dưỡng. Phạm vi cấp dưỡng của họ là *“đóng góp tiền hoặc tài sản khác”* đó là những giá trị vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống của người được cấp dưỡng. Khi thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng luôn có sự chuyển giao một lượng lợi ích nào đó từ phía người có nghĩa vụ cấp dưỡng sang người được cấp dưỡng. Cụ thể trong trường hợp cha mẹ cấp dưỡng cho con khi ly hôn thì người cha hoặc mẹ phải chuyển một số tiền hoặc tài sản khác cho người trực tiếp nuôi con nhưng nếu người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế, không thể thực hiện được nghĩa vụ thì tuy nghĩa vụ cấp dưỡng chưa chấm dứt nhưng thực chất nghĩa vụ này xem như không có.

- Thứ tư: Nghĩa vụ cấp dưỡng chỉ phát sinh trong những điều kiện nhất định, nghĩa là khi điều kiện đó xuất hiện thì người có nghĩa vụ cấp dưỡng mới phải thực hiện trách nhiệm cấp dưỡng của mình đối với người được cấp dưỡng. Theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 người con được cha hoặc mẹ cấp dưỡng phải thuộc trường hợp sau: *“chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình”*. Việc cấp dưỡng nhằm cung cấp những thứ cần thiết như tiền bạc, tài sản cho cuộc sống của người được cấp dưỡng nên việc cấp dưỡng chỉ nảy sinh khi người được cấp dưỡng không có khả năng về kinh tế, không thể tự lo cho cuộc sống bình thường của mình. Cấp dưỡng nhằm đảm bảo cuộc sống của người được cấp dưỡng với mức tối thiểu. Do đó, khi điều kiện cấp dưỡng không phát sinh thì người có nghĩa vụ cấp dưỡng không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Ví dụ: Khi cha mẹ ly hôn nếu con của họ đã thành niên thì nghĩa vụ cấp dưỡng không được đặt ra nhưng nếu người con này bị tàn tật không có khả năng nuôi sống mình thì cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng. Điều này nói lên trách nhiệm của cha mẹ đối với con của mình khi cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi dưỡng con. Còn theo quy định tại Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì điều kiện để phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng cho con có sự thay đổi: *“con chưa thành niên hoặc con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”*, theo quy định này thì cả trong trường hợp không sống chung hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con thì cha mẹ vẫn phải thực hiện việc cấp dưỡng khi con thỏa điều kiện do luật quy định. Đồng thời, Luật đã bỏ đi điều kiện người đã thành niên bị tàn tật vẫn được cấp dưỡng điều này là phù hợp vì nếu người này không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì vẫn thuộc đối tượng cấp dưỡng, câu chữ của Luật hôn nhân

năm 2014 quy định rõ ràng hơn. Do đó, việc áp dụng luật sẽ dễ dàng hơn.

1.5. Ý nghĩa về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn

- Cấp dưỡng có ý nghĩa quan trọng trong đời sống, tư tưởng của mỗi cá nhân cũng như trong quan hệ hôn nhân và gia đình, nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn đã góp phần nâng cao trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Đồng thời, là cơ sở cần thiết để đảm bảo cho con cái được nuôi dạy tốt trong hoàn cảnh đặc biệt khi cha mẹ ly hôn.

- Cấp dưỡng là sự tiếp nối truyền thống đạo đức của dân tộc.

Lịch sử đất nước ta từ xưa đến nay, tình mẫu tử, tình phụ tử luôn chiếm một vị trí thiêng liêng trong trái tim người Việt. Dù cuộc sống vất vả, lam lũ, dù đất nước chiến tranh liên miên nhưng giữa những khó khăn ấy thì tình cảm gia đình, tình yêu thương, sự hi sinh của cha mẹ cho con là vô bờ bến. Nó đã kết tinh thành một giá trị tinh thần quý báu, đó là truyền thống dân tộc. Ngày nay, khi đất nước đang có những bước chuyển lớn trong lịch sử, truyền thống đó vẫn được tiếp nối. Khi xã hội ngày càng phát triển sự quan tâm của xã hội đến trẻ em ngày càng được chú trọng. Chúng ta đang cùng nhau nỗ lực để xây dựng một Nhà nước pháp quyền. Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn trong pháp luật là một trong những biểu hiện của sự tiếp nối truyền thống đạo đức dân tộc, đặc biệt là trong Luật hôn nhân và gia đình. Vì cha mẹ là người có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con cái đó là truyền thống đạo đức của dân tộc ta nhưng khi cha mẹ ly hôn đời sống hôn nhân đổ vỡ thì con của họ sẽ chịu hậu quả nặng nề nhất. Do đó, để làm tròn bổn phận của cha mẹ thì dù người cha hoặc mẹ không chung sống trực tiếp với con họ vẫn có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con của mình. Khi đó nghĩa vụ nuôi dưỡng đã chuyển thành nghĩa vụ cấp dưỡng, nhưng truyền thống đạo đức của dân tộc vẫn được biểu hiện qua việc cấp dưỡng cho con khi ly hôn.

- Cấp dưỡng góp phần củng cố mối quan hệ giữa cha mẹ và con khi ly hôn, khắc phục được phần nào hậu quả của việc ly hôn ảnh hưởng đến con cái. Khi con được cấp dưỡng từ cha hoặc mẹ thì sẽ không cảm thấy bị bỏ rơi khi cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi mình. Ngoài ra, nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ sẽ phần nào bù đắp tổn thất về tinh thần mà hậu quả của ly hôn đem lại. Thể hiện qua việc cấp dưỡng bằng vật chất để bảo đảm nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống bình thường của con khi cha mẹ ly hôn.

- Cấp dưỡng có ý nghĩa trong việc giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống của thành viên trong xã hội. Các quy định trong việc cấp dưỡng có đan xen với các quy tắc đạo đức, phong tục tập quán, truyền thống gia đình. Các quy định đó thấm sâu vào tư tưởng của người Việt Nam và nhanh chóng trở thành xử sự chung của đông đảo người dân Việt Nam. Qua đó giáo dục tinh thần “*tương thân, tương ái*”, “*lá lành đùm lá rách*”,

sự đùm bọc sẽ chia khi gặp hoạn nạn, khó khăn không chỉ những người có quan hệ gia đình mà

phát triển rộng ra toàn xã hội. Cấp dưỡng đã góp phần tôn vinh các giá trị đạo đức truyền thống của người Việt Nam, thể hiện tính nhân đạo trong pháp luật Việt Nam.

XEM 320 đề tài tốt nghiệp ngành Luật tại:

<https://baocaothuctap.net/de-tai-bao-cao-thuc-tap-nganh-luat-dan-su-kinh-te-hanh-chinh-hay/>

CHƯƠNG 2

NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ NGHĨA VỤ CẤP DƯỠNG CỦA CHA MẸ ĐỐI VỚI CON KHI LY HÔN

2.1. Những điều kiện phát sinh quan hệ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn

2.1.1. Điều kiện chung

Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng nói chung không phải lúc nào nghĩa vụ cũng phát sinh, mà nó chỉ phát sinh trong những điều kiện chung nhất định:

- Giữa người cấp dưỡng và người được cấp dưỡng có quan hệ huyết thống hoặc nuôi dưỡng.

+ Quan hệ huyết thống là quan hệ dựa trên sự kiện sinh đẻ của người phụ nữ và từ sự kiện đó phát sinh quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con. Có chung huyết thống tức là giữa họ có mối quan hệ về mặt sinh học. Cha mẹ là người sinh ra các con, do đó họ phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc các con trở thành công dân tốt có ích cho xã hội và ngược lại con cũng có nghĩa vụ chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ đặc biệt là khi cha mẹ ốm đau, bệnh tật. Điều đó bắt nguồn từ mối quan hệ tình cảm tồn tại lâu bền giữa họ. Người xưa có câu “*Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ*” và “*Một giọt máu đào hơn ao nước lã*” hướng chỉ quan hệ huyết thống giữa cha mẹ và con là quan hệ giữa cha mẹ (ruột) với con (ruột). Đó là mối quan hệ máu mủ ruột thịt.

+ Quan hệ nuôi dưỡng là quan hệ do sự kiện nuôi con nuôi và quan hệ hôn nhân đem lại. Tức là con nuôi chung của cả vợ và chồng. Nuôi con nuôi là việc một người nhận nuôi một đứa trẻ không do họ sinh ra nhằm xác lập quan hệ cha mẹ và con giữa người nhận nuôi và người được nhận làm con nuôi, đảm bảo cho người được nhận nuôi được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp với đạo đức xã hội trong môi trường gia đình. Theo Luật nuôi con nuôi thì việc nhận nuôi con nuôi phải tuân thủ điều kiện nuôi con nuôi và phải đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc nuôi con nuôi chỉ làm phát sinh quan hệ pháp luật giữa cha mẹ (nuôi) và con (nuôi) chứ không làm phát sinh các quan hệ khác giữa người con nuôi với các thành viên khác trong gia đình.

- Người cấp dưỡng và người được cấp dưỡng không sống chung với nhau.

Khi người cấp dưỡng và người được cấp dưỡng sống chung với nhau thì người cấp dưỡng đã trực tiếp thực hiện hành vi chăm sóc, nuôi dưỡng người được cấp dưỡng bằng tài sản của mình, do đó việc cấp dưỡng không được đặc ra mà đó là nghĩa vụ nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng chỉ phát sinh khi người có nghĩa vụ nuôi dưỡng vì hoàn cảnh không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người kia đặc biệt trong trường hợp cha mẹ ly hôn, vì thế họ phải chu cấp một khoản tiền hoặc tài sản nhất định (như lương thực, thực phẩm, quần áo, thuốc men,...) để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người cần được cấp dưỡng, đảm bảo sự sống còn của họ. Ví dụ: Trước khi ly hôn cả vợ và chồng đều có thể hằng ngày chăm sóc con của mình, nhưng khi họ ly hôn người con khi đó chỉ có thể ở với cha hoặc mẹ và như vậy người còn lại không thể trực tiếp quan tâm, chăm sóc con như trước, nhưng họ có thể thể hiện sự quan tâm đó thông qua hình thức cấp dưỡng cho con.

Tuy nhiên, cần xác định rõ thế nào là “*không sống chung*” vì đây là điều kiện quan trọng để xác định có hay không có quan hệ cấp dưỡng trong các trường hợp cụ thể. Các quy định về cấp dưỡng trong Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sử dụng cụm từ

này nhưng chưa giải thích rõ ràng.

Như đã phân tích “*không sống chung*” trong quan hệ cấp dưỡng là những thành viên trong gia đình không có quỹ tiêu dùng chung, vì vậy mà họ không thể trực tiếp chăm sóc, giúp đỡ nhau cho nên vấn đề cấp dưỡng được đặt ra nhằm đảm bảo nhu cầu sống tối thiểu cho nhau. Nhưng trong trường hợp tuy có quỹ tiêu dùng chung nhưng nghĩa vụ cấp dưỡng vẫn được đặt ra, đó là khi người có nghĩa vụ nuôi dưỡng trốn tránh trách nhiệm nuôi dưỡng đối với người được nuôi dưỡng. Qua đó ta thấy quan hệ nuôi dưỡng và cấp dưỡng có mối quan hệ với nhau. Nuôi dưỡng bao hàm không chỉ việc chi phí tiền bạc, tài sản mà còn chứa đựng cả hành vi chăm sóc, nuôi nấng trực tiếp. Nuôi dưỡng là cơ sở của việc cấp dưỡng. Nuôi dưỡng có thể được thực hiện một cách trực tiếp hoặc gián tiếp qua việc cấp dưỡng.

Theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với khi ly hôn thì điều kiện chung để phát sinh quan hệ cấp dưỡng đó chủ yếu vẫn dựa trên quan hệ huyết thống hoặc nuôi dưỡng, nhưng không phải chỉ trong trường hợp không sống chung với con mà Luật hôn nhân và gia đình 2014 còn ghi nhận thêm trường hợp cha hoặc mẹ sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng thì thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng (Điều 110). Theo Điều 110 thì Luật không quy định cụ thể cha mẹ sau khi ly hôn có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mà điều luật chỉ quy định cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con trong trường hợp không sống chung hoặc sống chung với con nhưng đưa con đó phải thỏa điều kiện quy định của pháp luật.

2.1.2. Điều kiện riêng

Theo quy định tại Điều 56 và Điều 92 của Luật hôn nhân và gia đình hiện hành thì nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn ngoài những điều kiện chung thì cần những điều kiện riêng sau mới đủ điều kiện phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn.

2.1.2.1. Đối với người được cấp dưỡng

Không phải bất kì mọi trường hợp cha mẹ ly hôn đều phải cấp dưỡng cho con. Để nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn phát sinh thì theo quy định người con này phải thuộc một trong hai trường hợp sau: người chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình

- Người chưa thành niên: Theo Bộ Luật dân sự năm 2005 là người chưa đủ mười tám tuổi. Ở lứa tuổi này chúng còn ngây thơ, không có khả năng lao động nên chưa thể tự lo cho bản thân mình được, do đó các em có quyền nhận được sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của cả cha mẹ mình. Nhưng một khi cha mẹ ly hôn thì cha hoặc mẹ sẽ không thể tiếp tục trực tiếp thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng con. Do con chưa thành niên

nên có quyền được hưởng những quyền mà mọi trẻ em khác được hưởng như học tập, chăm sóc, giáo dục,... Ngoài ra, con chưa thành niên cũng không đủ sức khỏe và khả

năng lao động để tự nuôi mình. Do đó, mặc dù cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con thì vẫn có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con để bù đắp tổn thất về mặt tinh thần và đảm bảo cuộc sống bình thường của con mình. Việc sửa đổi này của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 rất hợp lý. Ta biết Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 không quy định cụ thể nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn mà đó chỉ là hình thức “*phí tổn nuôi dưỡng*” (Điều 45).

- Người đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Đây là những người về độ tuổi đã thỏa mãn quy định của pháp luật là một công dân độc lập nhưng họ lại bị khiếm khuyết về thể chất hoặc nhận thức nên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên mới làm phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ sau khi ly hôn. Nếu không có tài sản để tự nuôi mình thì họ cũng không biết bám víu vào ai để tồn tại được. Tuy nhiên, nếu họ là một người bình thường thì cha mẹ có thể coi như đã hết trách nhiệm với họ khi ly hôn. Nhưng họ không thể tự chăm sóc mình nên pháp luật vẫn quy định việc cha mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng con trong trường hợp này là nghĩa vụ bắt buộc. Quy định này thể hiện tính nhân văn sâu sắc, tính nhân đạo của pháp luật. Việc nó trở thành một nghĩa vụ luật định đã nâng cao trách nhiệm của những người làm cha, mẹ. Luật người khuyết tật năm 2010 quy định: “*Người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn*”. Tuy nhiên, không phải mọi người con đã thành niên bị tàn tật cha mẹ đều có nghĩa vụ cấp dưỡng sau khi ly hôn mà chỉ những người không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Còn những người đã đủ mười tám tuổi, bị tàn tật nhưng vẫn lao động được thì họ có trách nhiệm với bản thân mình chứ không được dựa dẫm hết vào cha mẹ. Theo quy định của Bộ Luật dân sự năm 2005 thì để nhận định một người mất năng lực hành vi dân sự phải theo Quyết định của Tòa án trên cơ sở của tổ chức giám định. Do đó, ta không thể nói một người nào đó mất năng lực hành vi dân sự mà không theo Quyết định của Tòa án. Ngoài ra, pháp luật cũng quy định “*Giao dịch dân sự của người mất năng lực hành vi dân sự phải do người đại diện theo pháp luật xác lập, thực hiện*” (khoản 2 Điều 22 BLDS năm 2005). Thường thì người tàn tật có thể nhận thức được nhưng họ lại không có sức khỏe để lao động nên họ cần người nuôi dưỡng, chăm sóc, cấp dưỡng khi không trực tiếp nuôi dưỡng; người mất năng lực hành vi dân sự có thể có sức khỏe nhưng họ lại không ý thức được việc mình làm nên họ phải có người trông nom, chăm sóc và đại diện trước pháp luật. Ta thấy, Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nêu ra các đối tượng này là rất cụ thể và đầy đủ. Đây là điểm tiến bộ so với Luật hôn nhân và gia

đình năm 1986 các nhà làm Luật đã chưa đề cập đến đối tượng này, những đối tượng này không thể nào sống được nếu không có sự cấp dưỡng của cha hoặc mẹ khi

ly hôn. Không có khả năng lao động có thể do già yếu, mất sức lao động, bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự,... “*không có khả năng lao động*” phải gắn với “*không có tài sản để tự nuôi mình*”? Vấn đề quan trọng là khi nào một người được xác định là “*không có tài sản để tự nuôi mình*” để có thể được người khác cấp dưỡng. Việc này, Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 không quy định rõ. Do vậy, vấn đề này cần phải có sự giải thích, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đảm bảo tính thống nhất về lý luận và thực tiễn xét xử.

+ Không có khả năng lao động: Hẳn thế nào là không có khả năng lao động tùy thuộc vào sự đánh giá của thẩm phán. Người thất nghiệp chưa chắc là không có khả năng lao động; người tật nguyền cũng có thể có khả năng lao động;... Có lẽ khả năng lao động nói trong các điều luật liên quan chủ yếu là khả năng về sức vóc, cơ bắp và cả kỹ năng cho phép đương sự thực hiện một công việc (thường xuyên hay không thường xuyên), hoặc với tư cách người lao động làm thuê, nhằm tạo thu nhập nuôi sống mình và gia đình mình. Không thể nói là không có khả năng lao động. Một người chỉ có thể được sử dụng tốt vào công việc lao động chân tay nhưng chỉ mơ tưởng đến công việc thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình không đủ năng lực để chen chân vào và do đó không được ai tuyển dụng, cuối cùng rơi vào cảnh sống bần cùng. Trái lại, có thể coi là không có khả năng lao động một người chấp nhận làm bất cứ việc gì trong khuôn khổ pháp luật, để có thu nhập nhưng không ai chịu thuê.¹⁷

+ Không có tài sản để tự nuôi mình: Không nhất thiết người yêu cầu cấp dưỡng hoàn toàn không có tài sản. Người yêu cầu cấp dưỡng có thể có tài sản gốc, nhưng tài sản không sinh lợi (ví dụ: một căn nhà tranh, một ít đồ vật gia dụng,... không thể cho ai thuê) hoặc có sinh lợi và đã được khai thác theo khả năng của chủ sở hữu, nhưng không đủ để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình mình. Người có yêu cầu cấp dưỡng cũng có thể có thu nhập thường xuyên hay không thường xuyên do lao động, thậm chí có hương trợ cấp (mất sức, thương tật,...) và đã huy động tất cả các nguồn thu nhập của mình mà vẫn không thoả mãn được yêu cầu chi tiêu tối thiểu cho cuộc sống hàng ngày của mình và gia đình mình.¹⁸

Theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì điều kiện để cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có nghĩa vụ cấp dưỡng như sau: “*người con được cấp dưỡng là người chưa thành niên hoặc con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con*” (Điều 110). Vấn đề cấp dưỡng cho con chưa thành niên là đương nhiên, nhưng đối với con đã thành niên thì theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có sự sửa đổi cụ

¹⁷ Nguyễn Ngọc Điện: *Giáo trình Luật hôn nhân và gia đình*, tập 1-Gia đình, Nxb trẻ TP.Hồ Chí Minh, 2002, tr. 95.

¹⁸ Nguyễn Ngọc Điện: *Giáo trình Luật hôn nhân và gia đình*, tập 1-Gia đình, Nxb trẻ TP.Hồ Chí Minh, 2002, tr. 95.

thể là Luật không quy định người được cấp dưỡng là người đã thành niên bị tàn tật. Ta thấy rằng, người con đã thành niên nếu bị tàn tật nhưng vẫn có khả năng lao động và tài sản để tự lo cho cuộc sống của mình thì không cần được cha mẹ cấp dưỡng. Nếu như người con bị tàn tật này rơi vào trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì đã thoả điều kiện là người được cấp dưỡng theo quy định của Luật. Đồng thời, câu chữ của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 không rõ ràng sẽ khiến cho người áp dụng có thể bị hiểu nhầm là có ba đối tượng khi đã thành niên vẫn được cấp dưỡng (con đã thành niên bị tàn tật, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình). Vì vậy, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 câu chữ của Luật quy định rõ ràng hơn, mặc dù có sự sửa đổi nhưng ý nghĩa của việc cấp dưỡng cho con sau khi cha mẹ ly hôn không thay đổi, Luật vẫn nghiên về những trẻ thiếu vắng tình cảm của cha hoặc mẹ sau khi ly hôn.

2.1.2.2. Đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng

Phải là người có khả năng thực tế để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định 70/2001/NĐ-CP ngày 30/10/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (Nghị định 70/2001/NĐ-CP) như sau: “*Người có khả năng thực tế để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là người có thu nhập thường xuyên hoặc tuy không có thu nhập thường xuyên nhưng còn tài sản sau khi đã trừ đi chi phí thông thường cần thiết cho cuộc sống của người đó*”. Như vậy, đánh giá khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng có thể dựa vào hai yếu tố: thu nhập thường xuyên và tài sản hiện có hoặc một người tuy không có thu nhập thường xuyên nhưng lại còn tài sản sau khi đã trừ đi chi phí cần thiết cho bản thân thì cũng được coi là có khả năng để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Theo Điều 56 và Điều 92 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì khi ly hôn cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và theo Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/01/2000 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP) quy định:

“Đây là nghĩa vụ của cha mẹ, do đó không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng vì lý do nào đó thì Tòa án cần giải thích cho họ hiểu rằng việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con để họ biết nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con. Nếu xét thấy việc họ không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện, họ có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con thì Tòa án không buộc bên kia phải cấp

đưỡng nuôi con” (Mục 11).

Theo như quy định trên thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đây là nghĩa vụ của bậc làm cha mẹ, dù họ không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng nhưng không phải vì thế mà mối quan hệ giữa họ với con chấm dứt. Họ vẫn phải thực hiện trách nhiệm “*nuôi dưỡng*” dưới dạng “*cấp dưỡng*” nhằm bảo đảm con của họ được bù đắp sự hụt hẫng về mặt tinh thần và đảm bảo cuộc sống. Tuy nhiên, trong trường hợp con có quyền được cha mẹ cấp dưỡng nhưng cha mẹ lại không có khả năng thực hiện nghĩa vụ đó thì cha mẹ cũng không phải thực hiện nghĩa vụ (như cha mẹ bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình). Trong trường hợp này, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có thể thoả thuận hoặc yêu cầu Toà án giải quyết việc thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng cho đến khi họ có khả năng cấp dưỡng (Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000). Nhưng Luật này cũng như các văn bản hướng dẫn không nói cụ thể về việc tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng, như vậy quyền lợi của con trong trường hợp này không được đảm bảo.

Từ những sự phân tích trên, có thể thấy rằng nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn chỉ có thể thực hiện được khi cha hoặc mẹ có khả năng kinh tế đủ để đảm bảo cuộc sống của chính mình. Do đó, việc cấp dưỡng trên phải căn cứ vào khả năng, thu nhập thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Do Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chưa có văn bản hướng dẫn thi hành cụ thể nhưng người có nghĩa vụ cấp dưỡng vẫn phải thoả điều kiện là có khả năng thực tế. Mặc dù, Luật này không quy định cụ thể về điều kiện của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng để xác định mức cấp dưỡng (Điều 116) thì người này phải có khả năng thực tế.

2.2. Mức cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn

Một khi nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn phát sinh thì việc đầu tiên để nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện đó là phải biết số tiền mình phải cấp dưỡng là bao nhiêu hay một tài sản nào đó và bên được cấp dưỡng biết mình sẽ nhận được số tiền là bao nhiêu và tài sản gì từ phía người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Hơn nữa, mức cấp dưỡng không chỉ là sự thể hiện nhu cầu của người con, khả năng của cha hoặc mẹ mà còn thể hiện tinh thần trách nhiệm, sự quan tâm, mong muốn bù đắp cho con của cha hoặc mẹ khi họ không được trực tiếp nuôi con. Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định chung về mức cấp dưỡng: “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thoả thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Toà án giải quyết*”.

Như vậy, mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng thoả thuận và trong trường hợp cấp dưỡng cho con khi cha mẹ ly hôn thì đó là

người không trực tiếp nuôi con và người đại diện cho con - tức là người trực tiếp nuôi con thoả thuận. Chỉ khi họ không thoả thuận được Toà án mới đứng ra giải quyết. Pháp luật tôn trọng sự thoả thuận của họ là hợp lý bởi vì dù sao đây cũng là một quan hệ dân sự. Và theo Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP nêu rõ: *“Tiền cấp dưỡng nuôi con bao gồm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con và do các bên thoả thuận. Trong trường hợp các bên không thoả thuận được thì tùy vào từng trường hợp cụ thể, vào khả năng của mỗi bên mà quyết định mức cấp dưỡng nuôi con cho hợp lý”*. Cha mẹ là người sinh thành ra con (quan hệ huyết thống) hoặc là người nuôi dưỡng con dựa trên quan hệ nuôi con nuôi và quan hệ hôn nhân nên phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc con. Khi ly hôn mặc dù quan hệ hôn nhân chấm dứt nhưng nghĩa vụ của cha mẹ đối với con không chấm dứt, do đó người không trực tiếp nuôi con phải đóng góp một khoản vật chất để nuôi con là điều đương nhiên. Người có nghĩa vụ cấp dưỡng nếu có khả năng phải có trách nhiệm đóng góp một khoản vật chất ít nhất cũng phải duy trì cho con được cuộc sống như trước đây. Vì vậy, để thể hiện tinh thần trách nhiệm của những người làm cha mẹ pháp luật đã quy định ưu tiên cho cha mẹ thoả thuận mức cấp dưỡng là rất hợp lý. Mặt khác, họ cũng là người biết rõ nhu cầu cần thiết của con, khả năng thực tế của mình. Đây không chỉ là vấn đề nghĩa vụ mà còn là quyền của cha mẹ, thể hiện tình thương đối với con, mong muốn bù đắp cho con. Pháp luật chỉ can thiệp khi họ không thể tự mình giải quyết được và quyền lợi của con không được đảm bảo. Cũng có thể người không trực tiếp nuôi con sẽ yêu cầu Toà án giải quyết khi mức cấp dưỡng mà người trực tiếp nuôi con đưa ra là quá cao, không phù hợp với khả năng thực tế của mình hoặc nhu cầu cần thiết để đảm bảo cho con một cuộc sống bình thường, ổn định. Vì vậy, khi quyết định mức cấp dưỡng cần phải căn cứ vào hai điều kiện:

Thứ nhất: phải căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Thu nhập của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là thu nhập thực tế của người đó, bao gồm tiền lương và các thu nhập khác ngoài lương, kể cả những thu nhập hợp pháp khác nhưng không do họ lao động làm ra như thừa kế, tặng cho, trúng xổ số,... Trong trường hợp thu nhập của người không trực tiếp nuôi con không ổn định thì mức thu nhập của họ được xác định là mức thu nhập bình quân hàng tháng của người đó. Ngoài thu nhập thực tế còn phải dựa vào khả năng thực tế của người đó. Tức là phải xem xét cả những tài sản họ hiện có, các khoản đang cho vay, các khoản nợ chưa trả,... Theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 70/2001/NĐ-CP thì: *“Người có khả năng thực tế thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng quy định tại Điều 51, 52 và 53 của Luật hôn nhân và gia đình là người có thu nhập thường xuyên hoặc tuy không có thu nhập thường xuyên nhưng còn tài sản khi đã trừ đi chi phí thông thường cần thiết cho cuộc sống của người đó”*. Chi phí thông

thường cần thiết gồm các chi phí về ăn, ở, mặc, học, khám chữa bệnh và các chi phí khác được xác định căn cứ vào mức sinh hoạt trung bình tại địa phương nơi người phải cấp

đưỡng cư trú. Biết được khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, Toà án mới đưa ra một mức cấp dưỡng phù hợp, đảm bảo tính khả thi của việc cấp dưỡng và cấp dưỡng đúng mức quy định. Việc quy định điều kiện trên mang hai ý nghĩa: quy định này bảo vệ quyền lợi chính đáng cho con khi người có nghĩa vụ cấp dưỡng có khả năng thực tế để cấp dưỡng cho con với mức đảm bảo cuộc sống như trước cho con, nhưng họ lại viện lý do để đưa ra mức cấp dưỡng thấp hơn; ngược lại, quy định này bảo vệ người không trực tiếp nuôi con và đảm bảo tính khả thi của việc cấp dưỡng khi người trực tiếp nuôi con yêu cầu một mức cấp dưỡng quá cao, không phù hợp nhu cầu bình thường của con hoặc không phù hợp với khả năng thực tế của người không trực tiếp nuôi con.

Thứ hai: phải căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng được xác định *“căn cứ vào mức sinh hoạt trung bình tại địa phương nơi người được cấp dưỡng cư trú, bao gồm các chi phí thông thường cần thiết về ăn, ở, mặc, học tập, khám chữa bệnh và các chi phí thông thường cần thiết khác để bảo đảm cuộc sống của người được cấp dưỡng”* (khoản 2 Điều 16 Nghị định 70/2001/NĐ-CP). Nhu cầu thiết yếu là những nhu cầu cần thiết, không thể thiếu để đảm bảo cho người được cấp dưỡng một cuộc sống bình thường. Như vậy, theo quy định của pháp luật thì mức cấp dưỡng của mỗi trẻ phải tùy thuộc vào hoàn cảnh của trẻ mà tính toán là rất hợp lý, do phải dựa trên nhiều yếu tố nên không thể quy định mức cấp dưỡng chung cho tất cả mọi người. Một đứa trẻ ở thành thị thì chi phí cho việc học hành, ăn, mặc,... bao giờ cũng lớn hơn một đứa trẻ ở nông thôn. Một đứa trẻ bị bệnh cần điều trị dài ngày thì chi phí khám chữa bệnh bao giờ cũng lớn hơn rất nhiều so với một đứa trẻ khỏe mạnh, bình thường. Trên cơ sở tính toán các chi phí đó, quyền lợi của người con sẽ được đảm bảo, ít nhất là ở mức trung bình. Tiền cấp dưỡng là một phần quan trọng trong chi phí sinh hoạt, học tập của người con. Việc xác định đúng mức cấp dưỡng giúp cuộc sống của người con không bị thay đổi, xáo trộn nhiều sau khi cha mẹ ly hôn. Tuy nhiên, trên thực tế, đặc biệt ở vùng nông thôn, việc cấp dưỡng nuôi con trong trường hợp các bên tự thỏa thuận nhiều khi không được nhìn nhận đúng với bản chất của nó. Nhiều người khi không trực tiếp nuôi con thì coi như không phải đóng góp chi phí cần thiết để nuôi con, để thực hiện nghĩa vụ của mình, mà hàng tháng họ *“cấp dưỡng”* cho con một ít tiền để ăn quà. Việc cấp dưỡng như thế đã bị hiểu sai bản chất. Trên thực tế, tại một số Toà án nếu người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng không thỏa thuận được mức cấp dưỡng thì Toà án sẽ quyết định mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu chung tại thời điểm thi hành án.

Qua những phân tích trên để vừa đảm bảo quyền lợi cho con, vừa đảm bảo tính khả thi của việc cấp dưỡng, chúng ta cần kết hợp cả hai điều kiện trên: nhu cầu thiết yếu

của con và thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng để xác định mức cấp dưỡng.

Việc cấp dưỡng của cha hoặc mẹ đối với con khi ly hôn thực hiện trong quá trình từ khi ly hôn cho đến khi con đã thành niên hoặc là suốt đời nếu người con đó bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Nhưng cuộc sống của chúng ta đang từng ngày một thay đổi nhu cầu của người con cũng như điều kiện của người có nghĩa vụ cấp dưỡng đều có thể thay đổi. Vì vậy, việc pháp luật quy định cho phép thay đổi mức cấp dưỡng là hoàn toàn phù hợp với mục đích cấp dưỡng, không chỉ bảo vệ quyền lợi cho con vào thời điểm cha mẹ ly hôn mà còn cả quá trình sau đó. Theo Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, việc thay đổi mức cấp dưỡng khi có lý do chính đáng và theo thoả thuận của các bên. Nếu các bên không thoả thuận được thì yêu cầu Toà án giải quyết. Và tùy trường hợp mà nó có thể tăng hay giảm mức cấp dưỡng. Nhưng phải trên cơ sở có lý do chính đáng. Lý do đó có thể do cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con và con lâm vào tình trạng khó khăn hơn do bị bệnh, tai nạn, không có việc làm nên không có lương hoặc thu nhập hợp pháp.

Theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc ấn định mức cấp dưỡng chỉ căn cứ vào khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 116, Luật này đã bỏ đi căn cứ thu nhập của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Do Luật này chưa có văn bản hướng dẫn thi hành nên theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 70/2001/NĐ-CP thì người có khả năng thực tế là người có thu nhập thường xuyên hoặc tuy không có thu nhập thường xuyên nhưng còn tài sản khi đã trừ đi chi phí thông thường cần thiết cho cuộc sống của người đó. Từ đó, ta thấy việc bỏ đi căn cứ xác định mức cấp dưỡng dựa vào thu nhập của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là hợp lý vì khi xác định khả năng thực tế đã xác định được thu nhập của họ. Ta thấy, Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định như vậy như có sự dư thừa câu chữ.

2.3. Phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn

Nhằm chuyển giao một số tiền hoặc một tài sản khác đã được các bên trong quan hệ cấp dưỡng thoả thuận hoặc theo một bản án, quyết định của Toà án từ người có nghĩa vụ cấp dưỡng sang người được cấp dưỡng tức là từ cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con thì cần có một phương thức rõ ràng để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn.

Phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng được pháp luật quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000: *“Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần. Các bên có thể thoả thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa*

vụ cấp dưỡng; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Toà án giải quyết”. Từ Điều luật đã dẫn ta thấy các nhà làm luật đã quy định một cách rất linh hoạt, mềm dẻo, theo đó việc

cấp dưỡng có thể được thực hiện theo nhiều cách thức khác nhau như cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc cấp dưỡng một lần. Quy định này tạo điều kiện thuận lợi, dễ dàng để các bên có thể lựa chọn cách thức thực hiện việc cấp dưỡng trên cơ sở thoả thuận tùy theo điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của mình.

Theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì phương thức cấp dưỡng được quy tại Điều 117, Luật này quy định phương thức cấp dưỡng không có gì khác so với Luật hôn nhân và gia đình hiện hành. Người có nghĩa vụ cấp dưỡng thực hiện phương thức cấp dưỡng cũng theo định kỳ hoặc một lần. Do Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày 01/01/2015 nên chưa có văn bản hướng dẫn chi tiết phương thức thực hiện cấp dưỡng. Theo ý kiến người viết nên tiếp tục hướng dẫn chi tiết phương thức thực hiện cấp dưỡng theo các quy định trước đây. Vì trong quá trình áp dụng quy định của pháp luật hiện hành về phương thức thực hiện cấp dưỡng đã thể hiện được tính khả thi, và việc cấp dưỡng đã được hiểu đúng theo bản chất, ý nghĩa của nó.

2.3.1. Phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ

Theo Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP quy định: “*Về phương thức cấp dưỡng do các bên thoả thuận định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần. Trong trường hợp các bên không thoả thuận được thì Toà án quyết định phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng*”. Cũng như các nội dung khác trong những quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng, về phương thức cấp dưỡng pháp luật cũng ưu tiên sự thoả thuận của các bên. Chỉ khi các bên không tự giải quyết được và có yêu cầu, Toà án mới đứng ra giải quyết. Pháp luật cũng quy định nhiều phương thức cấp dưỡng khác nhau để phù hợp với hoàn cảnh của từng người có nghĩa vụ cấp dưỡng, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ của họ thuận lợi nhất, nâng cao tính khả thi của nghĩa vụ cấp dưỡng. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho người con, và để người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ của mình một cách nghiêm túc nhất, pháp luật quy định phương thức cấp dưỡng phải theo định kỳ chứ không được tùy tiện, không có cơ sở. Đặc biệt trong trường hợp cha hoặc mẹ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn không thể thoả thuận được phương thức cấp dưỡng theo định kỳ tháng, quý, nửa năm, hàng năm thì Toà án quyết định ưu tiên cấp dưỡng định kỳ hàng tháng nhằm đảm bảo quyền lợi của con khi thái độ của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là chưa rõ ràng. Mặc dù, khi không thống nhất được phương thức cấp dưỡng cho con là do nhiều lý do, nhưng để đảm bảo chắc chắn cho nhu cầu hàng ngày của con, pháp luật đã nghiêng về phía những đứa con khi quyết định phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Bởi vì, khi cấp dưỡng hàng tháng, khoản tiền cấp dưỡng sẽ nhỏ hơn, vì vậy sẽ dễ thực hiện. Như vậy, sẽ tránh tình trạng dồn lại từng lần và thành một khoản tiền lớn nên người có nghĩa vụ cấp dưỡng không có khả năng hoặc chậm thực hiện nghĩa

vụ của mình, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của những người con. Hơn nữa, khoản tiền cấp dưỡng là để phục vụ nhu cầu hàng ngày của con nên cấp dưỡng theo định kỳ

hàng tháng là hợp lý. So với phương thức cấp dưỡng một lần, phương thức cấp dưỡng định kỳ vẫn được ưu tiên hơn trong trường hợp cha hoặc mẹ không sống chung với con cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: “nghĩa vụ cấp dưỡng được ưu tiên thực hiện theo phương thức định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm hoặc hàng năm” (khoản 1 Điều 18 Nghị định số 70/2001/NĐ-CP).

Theo quy định của Luật thì dường như các nhà làm luật khuyến khích nên sử dụng phương thức cấp dưỡng theo định kỳ. Trước khi Toà án xác định phương thức nào sẽ được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, Toà án thường cân nhắc dựa trên cơ sở định kỳ thu nhập của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và các nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng.

2.3.2. Phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng một lần

Do phương thức cấp dưỡng định kỳ được ưu tiên nên phương thức cấp dưỡng một lần chỉ được thực hiện trong những trường hợp đặc biệt. Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 70/2001/NĐ-CP quy định phương thức cấp dưỡng một lần có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a. Do người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận với người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

b. Theo yêu cầu của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và được Toà án chấp nhận.

c. Theo yêu cầu của người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó và được Toà án chấp nhận trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng thường xuyên có các hành vi phá sản tài sản hoặc cố tình trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng mà hiện có tài sản để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng một lần.

d. Theo yêu cầu của người trực tiếp nuôi con khi vợ chồng ly hôn mà có thể trích từ phần tài sản được chia của bên có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”.

Quy định về phương thức cấp dưỡng một lần trong những trường hợp đặc biệt nhằm ổn định cuộc sống cho con sau khi cha mẹ ly hôn hoặc đảm bảo ngăn chặn những hành vi trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng, đề phòng việc phá sản tài sản,... đảm bảo quyền lợi chính đáng cho những người con, đồng thời bảo đảm việc thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng nhanh gọn, có hiệu quả. Số tiền cấp dưỡng một lần, trong chừng mực nào đó, mang ý nghĩa của việc trợ cấp trọn gói. Chuyển giao số tiền trợ cấp trọn gói, người không trực tiếp nuôi con trên nguyên tắc, coi như đã hoàn thành nghĩa vụ cấp dưỡng của mình, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của người không trực tiếp nuôi con sẽ chấm dứt. Vậy, nếu xảy ra trường hợp sau khi nhận khoản cấp dưỡng một lần, người con lâm vào tình trạng khó khăn trầm trọng, một mình người trực tiếp nuôi con không thể lo toan được, để bảo đảm quyền lợi cho người con, pháp luật đã đưa ra biện pháp gì? Điều 19 Nghị định số

70/2001/NĐ-CP quy định: “*Trong trường hợp người được cấp dưỡng một lần lâm vào tình trạng khó khăn trầm trọng do bị tai nạn hoặc bệnh hiểm nghèo, mà người đã thực*

hiện nghĩa vụ cấp dưỡng có khả năng thực tế để cấp dưỡng ở mức cao hơn, thì phải cấp dưỡng bổ sung theo yêu cầu của người được cấp dưỡng”. Như vậy, cũng như các quy định khác của pháp luật về cấp dưỡng, cấp dưỡng bổ sung là một biện pháp rất linh hoạt nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người con, là cơ sở pháp lý quan trọng để người được cấp dưỡng yêu cầu Tòa án đứng ra bảo vệ quyền lợi cho mình.

Tuy nhiên, nó cũng có những mặt hạn chế mà phần nhiều do người không trực tiếp nuôi con phải chịu. Giả sử trong trường hợp con được cấp dưỡng là người chưa thành niên nhưng người con đó đủ 16 tuổi và dưới 18 tuổi, theo khoản 2 Điều 20 BLDS năm 2005 thì số tiền cấp dưỡng là tài sản riêng của người con, do đó mà người con có quyền quản lý. Một khi cha mẹ ly hôn thì đứa trẻ sẽ ở trong tâm trạng cô đơn, buồn khổ nên có thể đứa trẻ dùng số tiền cấp dưỡng này một cách không có kế hoạch mà ăn xài phung phí, truy lạc vào những cuộc chơi trong thời gian ngắn. Sau khi hết tiền cấp dưỡng, đứa trẻ lâm vào tình trạng túng thiếu, khó khăn, đe dọa đến cuộc sống của trẻ thơ. Thì khi đó, có được xem là lý do chính đáng để được cấp dưỡng bổ sung không? Khi mà lý do của đứa trẻ không thoả mãn các điều kiện do luật quy định về việc cấp dưỡng bổ sung.

Như vậy, đứa trẻ (tức người được cấp dưỡng) không thể viện dẫn lý do đó để yêu cầu người không trực tiếp nuôi mình cấp dưỡng bổ sung. Chính vì lẽ đó, nhằm bảo vệ quyền lợi của con có được cuộc sống vật chất ổn định trong những điều kiện tối thiểu trong suốt thời gian được cấp dưỡng, đồng thời để đảm bảo khoản cấp dưỡng một lần được sử dụng đúng mục đích nên pháp luật quy định hướng dẫn chi tiết về quản lý số tiền cấp dưỡng một lần như sau:

“Theo yêu cầu của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, khoản cấp dưỡng một lần có thể được gửi tại ngân hàng hoặc được giao cho người được cấp dưỡng, người giám hộ của người được cấp dưỡng quản lý, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.

Người được giao quản lý khoản cấp dưỡng một lần có trách nhiệm bảo quản tài sản đó như đối với tài sản của chính mình và chỉ được trích ra để bảo đảm các nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng” (khoản 3, khoản 4 Điều 18 Nghị định số 70/2001/NĐ-CP). Lần này, việc pháp luật để cho người không trực tiếp nuôi con tức là người có nghĩa vụ cấp dưỡng yêu cầu, lựa chọn cách thức quản lý số tiền cấp dưỡng là hoàn toàn hợp lý.

Ngoài ra, theo Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: *“ Các bên có thể thoả thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Tòa án*

giải quyết”. Quy định này đảm bảo tính khả thi của việc thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng. Người có nghĩa vụ cấp dưỡng có thể thay đổi phương thức cấp dưỡng khi khó khăn về

kinh tế như: bị mất mùa, bị ốm đau, bị thất nghiệp, bị phá sản,...) nhưng Luật chưa có văn bản quy định cụ thể về vấn đề này.

Theo quy định tại Điều 17 Nghị định 70/2001/NĐ-CP thì các bên có thể thoả thuận với nhau về việc cấp dưỡng. Thoả thuận về việc cấp dưỡng có thể bằng miệng hoặc lập thành văn bản, nêu rõ ràng người có nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, các thoả thuận khác về sự thay đổi mức cấp dưỡng hoặc phương thức cấp dưỡng.

Tuy nhiên, việc cấp dưỡng một lần sẽ gây khó khăn rất nhiều cho Thẩm phán khi tính tổng số tiền cấp dưỡng cũng như xác định thời gian, số năm kết thúc để tính tổng số tiền cấp dưỡng một lần. Đây là vấn đề khó xác định, giả sử khi người được cấp dưỡng một lần là người không có khả năng lao động, hay bị tàn tật thì khi nào nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt, thời gian đó là bao lâu, Thẩm phán căn cứ vào đâu để tính tổng số tiền mà người này sẽ nhận. Từ đó cho thấy việc cấp dưỡng một lần chỉ có tính khả thi cho trường hợp cấp dưỡng cho con chưa thành niên vì thời gian chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên là khi con đã thành niên (đủ 18 tuổi) nhưng tính khả thi trong trường hợp này chỉ mang tính tương đối, ngoài trường hợp này thì cấp dưỡng một lần trong các trường hợp khác sẽ không có tính khả thi trong thực tế. Từ đó ta thấy việc cấp dưỡng theo phương thức định kỳ sẽ mang lại nhiều thuận lợi cho Thẩm phán trong việc ấn định một mức cấp dưỡng, cũng như tính khả thi của nghĩa vụ này trong thực tế, bảo đảm cuộc sống ổn định của người cấp dưỡng, do người dân Việt Nam đa số nghề nghiệp không ổn định, lao động không thường xuyên cho nên việc cấp dưỡng định kỳ hàng tháng sẽ thuận lợi hơn là cấp dưỡng một lần. Quá trình thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là cả một thời gian dài cho nên sẽ phát sinh nhiều vấn đề có thể phát sinh yếu tố chấm dứt hoặc yếu tố làm nghĩa vụ cấp dưỡng là mãi mãi cho nên để ổn định cuộc sống cho người được cấp dưỡng, để tránh trường hợp có phát sinh yếu tố bất lợi cho người được cấp dưỡng cũng như người có nghĩa vụ cấp dưỡng thì việc khuyến khích áp dụng phương thức cấp dưỡng định kỳ theo hướng của Nghị định 70/2001/NĐ-CP là hợp lý vừa đảm bảo tính khả thi, vừa đảm bảo cuộc sống của hai bên và tạo sự thuận lợi cho Thẩm phán khi ấn định một cấp dưỡng.

2.4. Thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn

2.4.1. Hình thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng

Cha mẹ khi ly hôn thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng cấp dưỡng dưới hình thức gì? Theo quy định tại khoản 11 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì “*cấp dưỡng là việc một người có nghĩa vụ đóng góp tiền hoặc tài sản khác*” và theo khoản 1 Điều 18 Nghị định 70/2001/NĐ-CP “*người có nghĩa*

vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận về phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bằng tiền hoặc tài sản”. Như vậy, hình thức

cấp dưỡng là tiền hoặc tài sản khác. Trên thực tế hình thức cấp dưỡng của cha hoặc mẹ khi không trực tiếp nuôi con bằng tiền thông dụng nhất. Trong trường hợp người này không có tiền mặt thì có thể cấp dưỡng bằng tài sản khác tức là bằng hiện vật. Hiện vật ở đây có thể là lúa, gạo, súc vật nuôi hoặc trồng,... Việc cấp dưỡng bằng tiền hoặc hiện vật được xác định theo thoả thuận giữa các bên, nếu không thoả thuận được thì có thể yêu cầu Toà án giải quyết.

Tiền hoặc hiện vật cấp dưỡng được giao tại nơi cư trú của người được cấp dưỡng, trừ trường hợp có thoả thuận khác giữa các bên, áp dụng chung về địa điểm thực hiện nghĩa vụ.¹⁹

Theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hình thức cấp dưỡng quy định tại khoản 24 Điều 3 vẫn với hình thức “*tiền hoặc tài sản khác*”.

2.4.2. Thay đổi chế độ cấp dưỡng

Cuộc sống của chúng ta luôn từng ngày thay đổi theo nhiều hướng khác nhau có khi thuận lợi cũng có khi theo hướng phức tạp, khó khăn. Trong vấn đề cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn cũng vậy, không phải lúc nào thu nhập cha hoặc mẹ khi không trực tiếp nuôi con cũng ổn định và cuộc sống của con không phải lúc nào cũng được đảm bảo với số tiền cấp dưỡng đã ấn định cùng với người đang chăm sóc mình. Do đó, nghĩa vụ này của cha mẹ luôn luôn có sự thay đổi theo hoàn cảnh khách quan trong cuộc sống của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Vì thế các nhà làm luật đã dự kiến được trường hợp phát sinh đó và đã kịp thời quy định điều chỉnh những vấn đề có thể phát sinh trong quan hệ cấp dưỡng tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, đảm bảo cuộc sống của cả hai bên được ổn định.

+ Thay đổi về phương thức cấp dưỡng.

Việc thay đổi phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi từ cấp dưỡng hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm sang một lần hoặc ngược lại hay có thể thay đổi các phương thức cấp dưỡng theo định kỳ với nhau. Luật nói rằng “*các bên có thể thoả thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Toà án giải quyết*” (Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000). Theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì điều kiện để thay đổi phương thức cấp dưỡng không có gì thay đổi so với Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, cụ thể quy định tại Điều 117. Việc thoả thuận giữa các đương sự xuất phát từ sự tự

nguyện giữa họ; còn quyết định của Toà án thay đổi phương thức cấp dưỡng hẳn phải dựa

¹⁹ Nguyễn Ngọc Điện: *Giáo trình Luật hôn nhân và gia đình, tập I-Gia đình*, Nxb trẻ TP.Hồ Chí Minh, 2002, tr.104.

vào một hay nhiều lý do chính đáng. Ví dụ: Khi cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế như thu nhập thực tế của họ bị giảm sút mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì có thể thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án thay đổi phương thức cấp dưỡng.

+ Thay đổi về mức cấp dưỡng.

Mức cấp dưỡng được thỏa thuận hoặc được ấn định bằng con đường tư pháp không nhất thiết được cố định trong suốt thời gian cấp dưỡng. Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng có thể thay đổi quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 như sau: *“Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”*. Theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc thay đổi mức cấp dưỡng cũng phải có lý do chính đáng (khoản 2 Điều 116). Như vậy, Luật này quy định việc thay đổi mức cấp dưỡng không khác so với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Lý do chính đáng rất đa dạng: tình trạng thu nhập của người có nghĩa vụ cấp dưỡng thay đổi; có thêm người thân thuộc cần được cấp dưỡng; người có nghĩa vụ cấp dưỡng lập gia đình, có con chưa thành niên phải nuôi dưỡng,... Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Luật không nói rõ liệu có cần một thời gian tối thiểu để mức cấp dưỡng có thể thay đổi, nhất là bằng con đường tư pháp. Thực tiễn, thừa nhận rằng Tòa án có thể bác đơn yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng trong trường hợp đơn được nộp chỉ sau một thời gian quá ngắn kể từ ngày mức đó được ấn định, quá ngắn để nói rằng điều kiện sống của người này hay người kia đã có những thay đổi quan trọng đủ để đặt cơ sở cho việc xét lại tính hợp lý của mức cấp dưỡng.

2.4.3. Tạm ngừng cấp dưỡng

Một khi người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế (như bị mất mùa, bị ốm đau, bị thất nghiệp, bị phá sản,...) mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì vấn đề tạm ngừng cấp dưỡng có thể được chấp nhận. Luật nói rằng các bên có thể thỏa thuận tạm ngừng cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết (Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000). Theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì điều kiện để tạm ngừng cấp dưỡng không có gì thay đổi so với Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, cụ thể quy định tại Điều 117.

Có trường hợp việc lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế diễn ra thành từng bước đi xuống và người có nghĩa vụ cấp dưỡng đã tiến hành từng bước cắt giảm mức cấp dưỡng tương ứng với mức độ sa sút thu nhập của mình, rồi đến lúc nào đó mới chính thức ngừng cấp dưỡng do không còn khả năng. Cũng có trường hợp người cấp dưỡng ngừng

cấp dưỡng một cách đột ngột do sự sụp đổ trong một sớm một chiều cơ nghiệp kinh tế của mình.

2.5. Chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn

Theo quy định của pháp luật thì cha mẹ là người sinh ra con (quan hệ huyết thống) hoặc là người nuôi dưỡng con dựa trên quan hệ nuôi con nuôi và quan hệ hôn nhân nên có nghĩa vụ nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con của mình. Điều đó phù hợp với truyền thống đạo đức người Việt Nam. Nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con vừa là quyền vừa là trách nhiệm của cha mẹ. Nhưng một khi cha mẹ ly hôn mặc dù quan hệ hôn nhân của cha mẹ không tồn tại nữa nhưng nghĩa vụ đối với con của cha mẹ không đổi. Cha mẹ vẫn phải nuôi dưỡng, chăm sóc, yêu thương con của mình nhưng khi cha mẹ ly hôn thì con chỉ được lựa chọn sống với cha hoặc mẹ. Nếu như cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nhằm bù đắp tổn thất về mặt tinh thần và đảm bảo cuộc sống bình thường của con. Tuy nhiên, nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con không phải lúc nào cũng được thực hiện. Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha hoặc mẹ khi không trực tiếp chỉ phát sinh khi thoả những điều kiện nhất định, nhưng nếu như các điều kiện đó không còn nữa thì đương nhiên nghĩa vụ cấp dưỡng của cha hoặc mẹ khi không trực tiếp nuôi con cũng chấm dứt. Do đó, ta thấy nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn không tồn tại mãi và nó sẽ chấm dứt khi thoả mãn những điều kiện quy định tại Điều 61 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Theo điều luật thì tùy vào những điều kiện này sinh mà nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn sẽ chấm dứt trong những trường hợp khác nhau cụ thể như sau:

- Người được cấp dưỡng đã thành niên và có khả năng lao động

Như đã phân tích thì nghĩa vụ cấp dưỡng chỉ đặt ra khi người được cấp dưỡng là người chưa thành niên hoặc người đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Vì vậy, khi người được cấp dưỡng đã thành niên và có khả năng lao động thì họ không được cấp dưỡng nữa. Song, nếu người đã thành niên nhưng lại rơi vào trường hợp không có khả năng lao động do nhiều lý do khách quan như: mất năng lực hành vi dân sự, bị tàn tật, bị bệnh lâu dài dẫn đến không có khả năng lao động nên người này vẫn được cấp dưỡng. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp người đã thành niên và có khả năng lao động vẫn không có đủ thu nhập để tự nuôi mình thì theo quy định của pháp luật thì những người này sẽ không được cấp dưỡng nữa. Mặc dù vậy nhưng việc cấp dưỡng có thể được thực hiện xuất phát trên cơ sở đạo đức, phong tục tập quán và tùy thuộc vào sự thoả thuận giữa người cấp dưỡng và người được cấp dưỡng. Do đó, ta thấy rằng nghĩa vụ cấp dưỡng của cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con khi ly hôn sẽ được chấm dứt khi con của họ đã thành niên đồng thời phải có khả năng lao động.

- Người được cấp dưỡng có thu nhập hoặc tài sản để tự nuôi mình.

Về nguyên tắc, việc cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn phát sinh giữa

những người có quan hệ huyết thống hoặc nuôi dưỡng mà lại không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, không sống cùng nhau thì có quyền yêu cầu

cấp dưỡng đối với những người có nghĩa vụ cấp dưỡng tức là cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi dưỡng con. Khi đã có thu nhập hoặc có tài sản để tự nuôi mình, người được cấp dưỡng không còn lâm vào tình trạng khó khăn, túng thiếu, cuộc sống của người đó đã được bảo đảm nên việc cấp dưỡng không cần thiết nữa. Tuy nhiên trong trường hợp này, nghĩa vụ cấp dưỡng chỉ chấm dứt nếu người được cấp dưỡng không phải là con chưa thành niên của người cấp dưỡng. Nếu người được cấp dưỡng là con chưa thành niên thì mặc dù con có tài sản riêng, nhưng cha mẹ vẫn có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con, do đó vẫn có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Bởi vì, về nguyên tắc, con chưa thành niên luôn được cấp dưỡng.

Theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con có sửa đổi, bổ sung cụ thể tại khoản 1 Điều 118: *“Người được cấp dưỡng đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình”*. Qua điều Luật ta thấy các nhà làm luật đã bổ sung một căn cứ để chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng *“khi người được cấp dưỡng đã thành niên và có tài sản để tự nuôi mình”*, việc bổ sung căn cứ này rất cần thiết. Vì nếu như người được cấp dưỡng đã thành niên, không có khả năng lao động nhưng có tài sản để tự lo cho cuộc sống bình thường của mình nếu vẫn được cấp dưỡng từ người có nghĩa vụ cấp dưỡng là điều vô lý do ý nghĩa của việc cấp dưỡng là đảm bảo nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Đồng thời, Luật này đã bỏ đi căn cứ: *“người được cấp dưỡng có thu nhập hoặc tài sản để tự nuôi mình”* để chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng. Các căn cứ khác để chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không có gì thay đổi quy định tại Điều 118.

- Người được cấp dưỡng được nhận làm con nuôi.

Trong trường hợp này, do người được cấp dưỡng được người khác nhận làm con nuôi thì họ đương nhiên được bảo đảm sự chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng từ cha mẹ nuôi. Khi đó, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nuôi tương tự như quyền và nghĩa vụ của cha mẹ ruột trên cơ sở huyết thống. Pháp luật đã thừa nhận vấn đề này tại Điều 24 Luật nuôi con nuôi quy định: *“Kể từ ngày giao nhận con nuôi, giữa cha mẹ nuôi và con nuôi có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con”*. Từ đó, nghĩa vụ cấp dưỡng sẽ chấm dứt khi người được cấp dưỡng đã được nhận làm con nuôi.

- Người cấp dưỡng đã trực tiếp nuôi dưỡng người được cấp dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chỉ phát sinh khi người có nghĩa vụ nuôi dưỡng không trực tiếp nuôi dưỡng người mà mình có nghĩa vụ nuôi dưỡng do hai người không sống chung. Khi cả cha và mẹ đã trực tiếp nuôi dưỡng con của mình thì nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt, lúc này quan hệ cấp dưỡng đã chuyển thành quan hệ nuôi dưỡng. Cha mẹ đã trực tiếp

thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con thì đương nhiên quan hệ cấp dưỡng không còn nữa vì cuộc sống của con đã được đảm bảo bởi cả cha mẹ.

- Người cấp dưỡng hoặc người được cấp dưỡng chết.

Quan hệ cấp dưỡng của cha mẹ và con sau khi ly hôn là quan hệ tài sản gắn liền với nhân thân giữa cha mẹ và con, dựa trên cơ sở huyết thống hoặc nuôi dưỡng. Do vậy, nghĩa vụ này không thể chuyển giao cho người khác nên khi một trong hai người là người cấp dưỡng hoặc người được cấp dưỡng chết thì quan hệ cấp dưỡng đương nhiên chấm dứt. Vì thế, nếu một trong hai bên: cha hoặc mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chết hoặc con chết thì nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn chấm dứt.

Trong trường hợp một người cấp dưỡng cho nhiều người mà một trong những người được cấp dưỡng chết thì người cấp dưỡng vẫn phải cấp dưỡng cho những người được cấp dưỡng còn sống. Tức là nghĩa vụ của cha hoặc mẹ khi không trực tiếp nuôi con trong trường hợp này chỉ chấm dứt đối với người con đã chết còn những người con còn lại thì vẫn được cấp dưỡng bình thường.

- Quan hệ cấp dưỡng chấm dứt trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Trong từng trường hợp cụ thể, căn cứ vào hoàn cảnh thực tế của các bên, trên cơ sở bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người cấp dưỡng và người được cấp dưỡng, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có thể cho phép chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng. Ví dụ: Trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng không còn khả năng cấp dưỡng thì nghĩa vụ cấp dưỡng cũng có thể chấm dứt.

2.6. Cơ chế bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn

Ta thấy quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có ý nghĩa rất quan trọng vì nó liên quan trực tiếp đến cuộc sống của đứa con cần được cấp dưỡng tức là người được cấp dưỡng, nhưng để người đó thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ còn quan trọng hơn. Trên thực tế vẫn có rất nhiều cha mẹ sau khi ly hôn không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của mình, gây ra khó khăn rất lớn cho người trực tiếp nuôi con và thiệt thòi cho những đứa con. Bởi vì, việc không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống vật chất của con, sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe, học tập của con,...Chính vì thế, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người được cấp dưỡng. Pháp luật đã quy định những biện pháp chế tài để áp dụng đối với người không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cũng như không nghiêm chỉnh chấp hành án nhằm răn đe, giáo dục để người này thấy nghĩa vụ và trách nhiệm của mình, đồng thời nhằm đảm bảo cho nghĩa vụ cấp dưỡng được thực thi trên thực tế.

Biện pháp chế tài đối với người không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng

của mình đối với người mà mình có nghĩa vụ được pháp luật quy định rất cụ thể. Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “*Trong trường hợp người có nghĩa vụ nuôi*

đưỡng mà trốn tránh nghĩa vụ đó thì buộc phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của Luật này” (khoản 2 Điều 50) và “Người nào... không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường” (Điều 107). Theo quy định thì các biện pháp chế tài trên chỉ được áp dụng khi có hậu quả nghiêm trọng xảy ra đối với người được cấp dưỡng, nếu chưa đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Ngoài ra, theo Điều 20 Nghị định số 70/2001/NĐ-CP quy định trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 mà không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì áp dụng các biện pháp chế tài sau:

“1. Trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình mà không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án ra quyết định buộc người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải thực hiện nghĩa vụ đó. Thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì thời điểm đó được tính từ ngày ghi trong bản án, quyết định của Tòa án.

2. Trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quyết định của Tòa án không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ của mình, thì người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án buộc người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải thực hiện nghĩa vụ đó. Thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng được tính từ ngày ghi trong bản án, quyết định của Tòa án.

3. Theo quyết định của Tòa án, cơ quan, tổ chức trả tiền lương, tiền công lao động, các thu nhập thường xuyên khác cho người có nghĩa vụ cấp dưỡng có trách nhiệm thực hiện việc khấu trừ khoản cấp dưỡng để chuyển trả cho người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó theo đúng mức và phương thức cấp dưỡng do người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó và người có nghĩa vụ cấp dưỡng thoả thuận hoặc theo mức và phương thức do Tòa án quyết định”. Theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì những người có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là: người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó, Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ. Các cá nhân, cơ quan, tổ chức này có quyền tự mình yêu cầu Tòa án hoặc đề nghị Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án buộc người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Viện kiểm sát có quyền yêu cầu Tòa án buộc người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Ngoài ra, các cá nhân, cơ quan, tổ chức khác có quyền đề nghị Viện kiểm sát xem xét, yêu cầu Tòa án buộc người không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

thực hiện nghĩa vụ này.

Khi nhận được yêu cầu, Toà án xem xét và ra quyết định buộc người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải thực hiện nghĩa vụ của mình và thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người trực tiếp nuôi con thoả thuận, nếu không thoả thuận được thì thời điểm đó được tính từ ngày ghi trong bản án, quyết định của Toà án. Toà án có thể ra quyết định truy góp số tiền cấp dưỡng trước đây mà người có nghĩa vụ cấp dưỡng đã trốn tránh khi không đóng góp để nuôi con. Khi đã có quyết định của Toà án mà người có nghĩa vụ cấp dưỡng vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án buộc người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải thực hiện nghĩa vụ đó. Trong trường hợp đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền người có nghĩa vụ cấp dưỡng được ấn định một thời hạn “15 ngày” (khoản 1 Điều 45 Luật thi hành án dân sự năm 2008) để tự nguyện thi hành nếu hết thời hạn thì cơ quan Thi hành án theo quy định của pháp luật có quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành. Theo Luật thi hành án dân sự năm 2008 các biện pháp cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 71 gồm: *“Khấu trừ tiền trong tài khoản, thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án; trừ vào thu nhập của người phải thi hành án; kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ; khai thác tài sản của người phải thi hành án; buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ; buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định”*.

Và theo quyết định của Toà án, cơ quan, tổ chức trả tiền lương, tiền công lao động, các thu nhập thường xuyên khác cho người có nghĩa vụ cấp dưỡng có trách nhiệm thực hiện việc khấu trừ khoản cấp dưỡng để chuyển trả cho người được cấp dưỡng theo đúng mức và phương thức cấp dưỡng theo các bên thoả thuận hoặc Toà án quyết định.

Đây là một biện pháp rất hay và bảo đảm được nguồn cấp dưỡng thường xuyên, ổn định. Tuy nhiên, số vụ áp dụng được biện pháp này là không nhiều bởi vì không phải người có nghĩa vụ cấp dưỡng nào cũng có tiền lương, tiền công ổn định, do một tổ chức cụ thể đứng ra chi trả. Hơn nữa, biện pháp này rất khó thi hành ở những tổ chức không phải là cơ quan Nhà nước. Vậy đối với những người không có tiền lương, tiền công ổn định thì pháp luật đã áp dụng biện pháp nào để bảo vệ quyền lợi cho những đứa con? Pháp luật hôn nhân và gia đình chưa quy định biện pháp cụ thể. Khi có sự vi phạm nghĩa vụ cấp dưỡng, ngoài việc buộc người có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ của mình, tùy mức độ vi phạm mà người có nghĩa vụ còn phải chịu biện pháp xử phạt hành chính của pháp luật. Theo Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình quy định phạt cảnh

cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi: “*từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi dưỡng cha, mẹ; nghĩa vụ cấp dưỡng, chăm sóc con sau*

khi ly hôn theo quy định của pháp luật” (khoản 2 Điều 54). Hành vi từ chối hoặc trốn tránh tuy chưa được nhà làm luật quy định rõ ràng nhưng trong Thông tư số 01/2001/TTLT-BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC ngày 25 tháng 9 năm 2001 về hướng dẫn áp dụng các quy định tại chương XV “các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình” của Bộ Luật hình sự năm 1999 (Thông tư số 01/2001/TTLT-BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC), thì hành vi trốn tránh hoặc từ chối nghĩa vụ cấp dưỡng thường được biểu hiện bằng việc không chịu đóng góp tiền, tài sản để cấp dưỡng mặc dù có khả năng thực tế để thực hiện nghĩa vụ đó. Ngoài ra, nếu việc không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng gây hậu quả nghiêm trọng thì còn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 152 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009: “Người nào có nghĩa vụ cấp dưỡng và có khả năng thực tế để thực hiện việc cấp dưỡng... mà cố ý từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm”. Để làm rõ điều này theo Thông tư Liên tịch số 01/2001/TTLT-BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC thì có thể truy cứu trách nhiệm hình sự về tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng khi có đầy đủ các dấu hiệu sau:

- Người phạm tội là người có nghĩa vụ cấp dưỡng
- Người phạm tội phải có khả năng thực tế để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, khả năng thực tế được hiểu là khả năng về kinh tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng như tiền, tài sản hoặc thu nhập có khả năng bảo đảm cuộc sống của gia đình với mức sống trung bình ở địa phương.
- Người phạm tội có hành vi cố ý từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng của mình. Tuy nhiên, hành vi từ chối hoặc trốn tránh phải thoả một trong hai dấu hiệu theo Điều 152 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 “*gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm*”.

Như vậy sau khi ly hôn, vợ chồng có quyền thoả thuận về quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con. Nếu không thoả thuận được thì Toà án sẽ giải quyết căn cứ vào việc đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho con. Tuy nhiên, để bảo vệ quyền lợi của con, chúng ta không thể chỉ dừng lại ở các quy định đó mà phải có những quy định, những biện pháp thích hợp để những nghĩa vụ đó được thực hiện trên thực tế. Như thế, quyền lợi của con mới được đảm bảo.

Theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chế tài trong việc không thực hiện nghĩa vụ của cha mẹ đối với con khi ly hôn được quy định tại Điều 119. Ở đây, Luật chỉ quy định buộc người không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng phải thực hiện nghĩa vụ đó. Theo Điều 119 thì người được cấp dưỡng, cha, mẹ hoặc người giám hộ của người

được cấp dưỡng, người thân thích, cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu Toà án buộc người có nghĩa vụ

cấp dưỡng thực hiện nghĩa vụ của mình trong trường hợp này là cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con phải thực hiện nghĩa vụ. Ta thấy Luật này đã sửa đổi, bổ sung các chủ thể khác có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đó là cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em. Đồng thời, bỏ đi vai trò của Viện kiểm sát khi người có nghĩa vụ cấp dưỡng không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Người viết thấy rằng việc bỏ đi vai trò của Viện kiểm sát trong trường hợp này là hợp lý vì nó cho ta thấy được tính độc lập của cơ quan xét xử. Luật này không quy định rõ những biện pháp chế tài khác trong Luật, đây là điểm khác biệt so với Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nhưng không vì vậy mà nghĩa vụ cấp dưỡng không có những biện pháp để bảo đảm thực hiện. Do vấn đề bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đã được quy định cụ thể tại Điều 152 Bộ Luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 nên Luật không đề cập đến thì đó là hợp lý. Do Luật này chưa có văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành nên chế tài về việc không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con chưa được quy định cụ thể, rõ ràng. Theo ý kiến người viết, thì cần có những biện pháp chế tài quy định trong các văn bản cụ thể theo như các quy định trước đây của Luật về việc không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn nhưng tùy theo mức độ vi phạm mà có những biện pháp chế tài hợp lý từ buộc thực hiện, xử phạt hành chính, mức độ nghiêm trọng thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đồng thời, cần tăng mức xử phạt hành chính đối với hành vi trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng để đảm bảo quyền lợi của con khi cha mẹ ly hôn.

BÀI LÀM DÙNG ĐỂ THAM KHẢO, CÁC BẠN CÓ NHU CẦU VIẾT BÀI TRỌN GÓI HOÀN TOÀN LIÊN HỆ ZALO: <https://zalo.me/0909232620>

XEM QUA VỀ DỊCH VỤ TẠI: <https://baocaothuctap.net/>

CHƯƠNG 3

THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ NGHĨA VỤ CẤP

DƯỠNG CỦA CHA MẸ ĐỐI VỚI CON KHI LY HÔN

3.1. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn trong hoạt động của Tòa án

Trong cuộc sống hiện đại ngày nay, tình trạng ly hôn giữa các cặp vợ chồng ngày càng tăng. Diễn hình theo báo cáo tổng kết theo quý của những tháng cuối năm 2013 và đầu năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp cụ thể: Vào năm 2013 quý 3 có 166 vụ thụ lý mới và cũ trong đó giải quyết được 87 vụ, tỷ lệ giải quyết đạt 52,4%, quý 4 có 122 vụ thụ lý mới và cũ giải quyết được 46 vụ, tỷ lệ giải quyết đạt 37,7%; năm 2014 quý 1 có 145 vụ thụ lý mới và cũ giải quyết được 58 vụ, tỷ lệ giải

quyết đạt 40%, quý 2 có 184 vụ thụ lý mới và cũ giải quyết được 97 vụ, tỷ lệ giải quyết đạt 52,7%²⁰. Theo báo cáo trên thì tình trạng ly hôn diễn ra phức tạp có lúc tăng hoặc giảm nhưng nhìn chung các vụ việc ly hôn trong những tháng cuối năm 2013 và đầu năm 2014 tăng lên cụ thể từ 122 vụ tăng 145 sau đó tăng lên 184 vụ. Đa số những vụ việc ly hôn giữa vợ chồng thì vấn đề cấp dưỡng cho con sau khi cha mẹ ly hôn được giải quyết cùng với quan hệ hôn nhân nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành không tổng kết số liệu riêng của những vụ tranh chấp trong vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Thực tế các vụ việc ly hôn tại Tòa án thường thì cha mẹ không tự nhận thức được trách nhiệm của mình đối với con, họ mâu thuẫn với nhau trong vấn đề thỏa thuận người trực tiếp nuôi con, họ không xét trên phương diện lợi ích của con mình mà họ chỉ biết rằng đã là cha mẹ thì ai cũng thương yêu con nên ai cũng muốn giành quyền trực tiếp nuôi con. Do không thỏa thuận được họ phải nhờ đến sự can thiệp của Tòa án và như vậy nghĩa vụ cấp dưỡng được đặc ra đối với người không trực tiếp nuôi con, cha mẹ vẫn biết rằng con cái là người vô tội nhưng do mâu thuẫn nhau về nhiều mặt nên một khi cha hoặc mẹ không giành được quyền trực tiếp nuôi con thì thông thường họ không đồng ý cấp dưỡng. Do nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con được pháp luật quy định rất cụ thể và đây là nghĩa vụ bắt buộc của bậc làm cha mẹ đối với con chưa thành niên hoặc con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, bị tàn tật, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Nên dù cha mẹ muốn hay không muốn vẫn phải cấp dưỡng nuôi con theo quyết định hoặc bản án của Tòa án. Chúng ta sẽ tìm hiểu trường hợp cụ thể trong vụ án sau:

Vi dụ: Chị Lê Thị Bích Huệ và anh Đào Văn Sắt kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Sau ngày cưới do gia đình anh Sắt đông anh em, nên cha mẹ cho anh Sắt về ở rể bên gia đình chị để làm ăn nuôi vợ con. Chị Huệ cho rằng trong quá trình chung sống anh Sắt là người chồng không có trách nhiệm, hằng ngày anh đi giữ vịt mướn nhưng làm được đồng nào thì tiêu xài hết đồng nấy vào việc rượu chè với bạn bè. Chị có khuyên nhiều lần nhưng anh Sắt không sửa đổi được nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Chị Huệ nhận thấy hôn nhân giữa chị và anh không thể nào tồn tại được nên chị xin ly hôn. Trong thời gian chung sống hai vợ chồng anh chị có một con chung tên Đào Văn Sơn – sinh ngày 27/3/2008. Chị Huệ đang là người nuôi con, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh Sắt cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về phần anh Sắt do còn yêu vợ nên anh không đồng ý ly hôn, nếu chị Huệ không nuôi con thì giao lại cho anh nuôi chứ anh không đồng ý cấp dưỡng. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét

²⁰ Báo cáo thống kê thụ lý và giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

xử đã tuyên bản án số: 02/2013/HNGĐ-ST ngày 04/01/2013 (phụ lục 1). Căn cứ vào Điều 89, Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huệ. Về con chung Hội đồng xét xử xét thấy từ lúc hai anh chị ly thân cho đến nay cháu vẫn sống với chị, cuộc sống cháu đã ổn định, mặc dù thu nhập chị Huệ không cao nhưng cũng đủ nuôi con. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị. Đồng thời, Hội đồng xét xử đã căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 buộc anh Sắt cấp dưỡng nuôi con vì đây là nghĩa vụ bắt buộc của anh Sắt đối với con mình, có như vậy mới đảm bảo được quyền lợi mọi mặt cho cháu Sơn khi cha mẹ ly hôn. Và mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng của anh bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương tối thiểu tại thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01 năm 2013 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Như vậy, qua vụ án trên ta thấy không phải người làm cha mẹ nào cũng ý thức được nghĩa vụ, trách nhiệm đối với những đứa con tội nghiệp phải sống trong cảnh cha mẹ ly hôn, nghĩa vụ cấp dưỡng được đặc ra nhằm bù đắp tổn thất về mặt tinh thần cho các em, để các em vẫn luôn thấy được cha mẹ mình dù đã ly hôn nhưng trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con vẫn được cả cha và mẹ quan tâm. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình hiện hành thì nghĩa vụ cấp dưỡng của cha hoặc mẹ khi không trực tiếp nuôi dưỡng con là nghĩa vụ bắt buộc của những bậc sinh thành (con phải thuộc điều kiện được cấp dưỡng theo quy định của pháp luật). Do đó, ta thấy quy định của pháp luật bao giờ cũng đứng trên việc bảo vệ quyền lợi của trẻ em, tạo cho những đứa trẻ một cuộc sống tương đối đầy đủ sau khi cha mẹ ly hôn.

3.2. Vấn đề khó khăn, vướng mắc trong công tác thi hành án về cấp dưỡng nuôi con của cha mẹ khi ly hôn

Đa số các bậc cha mẹ khi ly hôn đều rất có trách nhiệm với con, tự nguyện đóng góp khoản cấp dưỡng nuôi con và Tòa án chỉ việc ghi nhận sự đóng góp đó. Nhưng không ít trường hợp người không được giao nuôi con không thực hiện nghĩa vụ của mình

- không cấp dưỡng nuôi con. Khi đó, cơ quan Thi hành án phải vào cuộc. Tuy nhiên, cấp dưỡng nuôi con là dạng án khó thi hành. Án đã có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án đã có đơn yêu cầu thi hành án và cũng đã hết thời gian tự nguyện thi hành án nhưng người phải thi hành án vẫn cứ tìm cách lẩn tránh, kéo dài để không thi hành.

Trong thi hành án cấp dưỡng nuôi con, có rất nhiều lý do để nó trở thành dạng án khó đòi. Bởi vì, án đã tuyên hai bên đã đồng ý nhưng điều kiện thực tế không cho phép (điều kiện này không thỏa điều kiện tạm ngừng cấp dưỡng), dù người không trực tiếp nuôi con không có ý định trốn tránh trách nhiệm của mình và có đủ khả năng kinh tế để thực hiện nghĩa vụ đó.

Vi dụ: Một vụ việc tổ chức thi hành án đang vào thế khó thực hiện. Đó là việc ly hôn giữa anh Trần Văn Tám và chị Phạm Thị Loan, được Toà án nhân dân thành Phố H

xử cho ly hôn tại Bản án số: 99/HNGĐ-ST ngày 30/7/2003. Chị Loan được nuôi hai cháu (Nga-sinh năm 1997, Tuyết- sinh năm 1999).

Anh Tám, phải cấp dưỡng nuôi hai đứa con mỗi tháng 290.000đ/tháng đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Quá trình thi hành án, anh Tám đã tự nguyện thi hành được hai năm đầu, sau đó anh Tám không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nữa. Nhiều lần cơ quan Thi hành án thuyết phục hai bên đương sự bằng nhiều lời lẽ, vừa động viên vừa giáo dục để anh Tám ý thức thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ dân sự của mình, nhưng vẫn không tác dụng gì. Cơ quan Thi hành án tiến hành xác minh điều kiện thi hành án, thì hiện tại anh Tám đã kết hôn với chị Huệ và có một ngôi nhà cấp 4 do anh Tám và chị Huệ đứng tên sở hữu, trong nhà còn có một số tài sản có giá trị như: Ti vi, tủ lạnh,... Nói chung là anh Tám có đủ điều kiện thi hành án, nhưng vẫn không thể tiến hành kê biên được. Nếu kê biên ngôi nhà thì giá trị tài sản của ngôi nhà rất lớn so với số tiền phải thi hành án và lại là tài sản chung của anh Tám và chị Huệ. Còn những tài sản khác, chị Huệ cho rằng là tài sản của chị, mặc dù chúng ta biết là [tài sản chung](#) của hai người, nhưng thực tế những loại tài sản điện tử này không quy định đăng ký quyền tài sản và khó xác định được là tài sản của ai? Cho nên, không đủ cơ sở để tiến hành kê biên, còn trả lại đơn yêu cầu lại càng không phù hợp theo quy định pháp luật. Nếu chúng ta tiến hành kê biên ngôi nhà thì lại là vấn đề rắc rối và phức tạp, lý do tài sản đó là tài sản chung và số tiền cấp dưỡng là thi hành dần theo từng tháng và rất ít, nên không thể thi hành khấu trừ một lần được²¹. Đây là một trong những vấn đề phức tạp và khó khăn trong thực tiễn thi hành án về cấp dưỡng.

Bên cạnh những lý do trên, những nguyên nhân như cơ quan Thi hành án thiếu lực lượng hoặc cán bộ thi hành án thiếu năng lực, phẩm chất nghề nghiệp cũng đã gây ra những khó khăn nhất định trong công tác thi hành án cấp dưỡng nuôi con.

Thi hành án là giai đoạn quan trọng trong quá trình bảo vệ quyền lợi của con khi cha mẹ ly hôn và nó là điều kiện không thể thiếu để quyền lợi của trẻ được thực hiện trên thực tế. Vì vậy, cùng với việc hoàn thiện pháp luật nội dung, công tác thi hành án cũng phải được Nhà nước quan tâm nhiều hơn để dần khắc phục được những khó khăn, vướng mắc nhằm đưa các quyết định của Tòa án đi vào thực tế.

3.3. Một số vướng mắc trong việc áp dụng các quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn

3.3.1. Vấn đề về thời điểm bắt đầu cấp dưỡng nuôi con

Về quy định thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại Điều 20 Nghị định số 70/2001/NĐ-CP quy định: “*Thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì thời*

²¹ Lê Lanh: [Một số suy nghĩ về thi hành án cấp dưỡng nuôi con](http://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2008/08/28/1586/), <http://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2008/08/28/1586/>, [truy cập ngày 11-09-2014].

điểm đó được tính từ ngày ghi trong bản án, quyết định của Tòa án”. Nhưng luật chưa quy định một căn cứ chung nào để các Tòa án dựa vào đó xác định thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Do đó, trên thực tế việc quyết định thời điểm này nhiều khi xuất phát từ ý chí chủ quan của các Tòa án, gây ra tình trạng không thống nhất trong việc áp dụng pháp luật ở các địa phương. Có Tòa cho rằng nghĩa vụ cấp dưỡng phát sinh từ khi bản án có hiệu lực, có Tòa lại cho rằng nghĩa vụ đó phát sinh từ ngày tuyên án.

Vì vậy, quyền lợi của trẻ nhiều khi cũng không được bảo đảm một cách đầy đủ, chính xác. Mặc dù, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã được ban hành vẫn ghi nhận nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ không trực tiếp nuôi con tại Điều 82, Điều 110 nhưng trong Luật này cũng không quy định rõ thời điểm bắt đầu cấp dưỡng, do Luật này chưa có hiệu lực và chưa có văn bản hướng dẫn thi hành nên người viết mong các nhà làm luật cần có văn bản hướng dẫn chi tiết về thời điểm bắt đầu cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi của con khi cha mẹ ly hôn.

Vi dụ: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp đã xét xử sơ thẩm vụ án ly hôn giữa chị Võ Hoàng Lệ Quyên và anh Nguyễn Lâm Giang.

Nội dung: Chị Quyên và anh Giang chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Trong quá trình chung sống chị Quyên và anh Giang đều thừa nhận giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ việc gia đình cha mẹ bên vợ, bên chồng đã có bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc chị trong lúc mang thai, từ đó giữa anh và chị dẫn đến mâu thuẫn không thể hàn gắn tình cảm được nên vợ chồng ly thân từ tháng 3/2013 đến nay. Cả hai anh chị đồng ý ly hôn. Anh và chị có một con chung là cháu Nguyễn Thị Thúy Ngọc- sinh ngày 23/7/2013. Hiện chị đang nuôi con, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Anh không đồng ý giao con cho chị nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị cấp dưỡng.

Tại bản án số: 18/2014/HNGĐ-ST ngày 18/6/2014 (phụ lục 2). Tòa án nhân dân huyện Châu Thành căn cứ vào Điều 56, 89 và Điều 92 Luật hôn nhân và gia đình hiện hành.

Xử: Chị Võ Hoàng Lệ Quyên và anh Nguyễn Lâm Giang được ly hôn.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Thúy Ngọc – sinh ngày 23/7/2013 cho chị nuôi dưỡng. Buộc anh Giang cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu theo quy định của pháp luật tại thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2014 cho đến khi cháu Ngọc đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Trong trường hợp trên cả chị Quyên và anh Giang đều muốn nuôi con. Tòa án đã xử cho chị được quyền trực tiếp nuôi con là đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình

năm 2000 tại khoản 2 Điều 92 thì: “con dưới ba tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, nếu các bên không có thỏa thuận khác”. Và Tòa án đã theo quy định pháp luật buộc anh

Giang cấp dưỡng nuôi con là đúng vì đây là trách nhiệm của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã đưa ra quyết định như vậy là nhằm bảo vệ quyền lợi của cháu Nguyễn Thị Thúy Ngọc. Trong trường hợp này thời điểm anh Giang cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 6/2014.

Nhưng trong trường hợp Tòa án công nhận sự thoả thuận của các bên khi ly hôn, đa phần thời gian bắt đầu cấp dưỡng nuôi là ngày Tòa án đưa ra quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn.

Vi dụ: Trong quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long ngày 28/4/2006, Quyết định số 56/2006/DS-ST, giữa chị Hoàng Thị Thuý Hà và anh Trần Văn Nam.

Toà án ra quyết định công nhận sự thoả thuận về việc nuôi con và đóng phí tổn nuôi con chung như sau:

Giao cháu Trần Nhật Phong và cháu Trần Hoàng Tùng cho chị Hoàng Thị Thuý Hà trực tiếp nuôi dạy đến tuổi trưởng thành, anh Nam có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 500.000 đồng để chị Hà nuôi dạy con chung. Anh Nam được quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ra quyết định.²²

Theo như quyết định trên của Tòa án thì anh Nam phải cấp dưỡng nuôi con là ngày quyết định này có hiệu lực ngày 28/4/2006.

3.3.2. Vấn đề về tạm ngừng cấp dưỡng

Trong nội dung thay đổi chế độ cấp dưỡng, pháp luật Việt Nam khá linh hoạt và mềm dẻo khi cho phép các chủ thể lựa chọn cách thức điều kiện phù hợp của các bên. Một trong những điểm tiến bộ đó là tạm ngừng cấp dưỡng khi cần thiết. Theo Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cả hai điều quy định: *“các bên có thể thoả thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”*.

Thực tế không phải lúc nào nghĩa vụ cấp dưỡng cũng được thực hiện một cách suôn sẻ, thuận lợi. Đôi khi hoàn cảnh sống của mỗi bên thay đổi do sự tác động của nhiều lý do khác nhau. Theo như quy định trên thì khi vợ hoặc chồng gặp khó khăn về kinh tế thì có thể thoả thuận với nhau hoặc nhờ Tòa án tạm ngừng cấp dưỡng. Quy định này của pháp luật hôn nhân và gia đình với mục đích nhằm đảm bảo nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con sau khi đã ly hôn có tính khả thi hơn. Ta biết rằng, cuộc sống thường không như mong muốn của con người, không ai có thể nói trước và chắc chắn rằng họ sẽ

không bao giờ gặp bất cứ khó khăn nào trong cuộc sống. Khó khăn mà họ gặp phải có thể

²² Trần Thị Hoàn: *Một số vấn đề cấp dưỡng trong trường hợp ly hôn*, Luận văn tốt nghiệp, tr.29.

do chính bản thân họ tạo ra hoặc cũng có thể do yếu tố khách quan đem lại, có thể vì công việc kinh doanh không thuận lợi bị mất việc, bị ốm đau, bị tai nạn,... mà điều kiện kinh tế của chủ thể cấp dưỡng bị giảm sút, không đáp ứng được nhu cầu của người mà họ có nghĩa vụ cấp dưỡng. Trong khi đó điều kiện sống của chủ thể được cấp dưỡng lại tiến triển thuận lợi hơn,... có nghĩa là tùy thuộc vào hình thức sinh sống và điều kiện kinh tế của các bên mà việc cấp dưỡng có thể thay đổi mức cấp dưỡng (tăng lên hay giảm xuống), bổ sung hoặc tạm ngừng cấp dưỡng.

Ví dụ: Anh T đang làm ăn phát đạt thì không may có bão to làm hư hỏng các cơ sở vật chất khiến anh không thể giao hàng kịp thời dẫn đến việc anh lâm vào hoàn cảnh khó khăn về kinh tế. Nhưng việc tạm ngừng cấp dưỡng lại trực tiếp ảnh hưởng đến quyền lợi của người được cấp dưỡng, có nghĩa là trong một thời gian sắp tới người được cấp dưỡng sẽ không nhận được sự trợ cấp từ phía người có nghĩa vụ cấp dưỡng để đảm bảo cuộc sống cho mình.

Việc cho phép các chủ thể lựa chọn phương thức tạm ngừng cấp dưỡng trên thực tế đã giải quyết ổn thỏa quan hệ giữa các bên, hạn chế phần nào khó khăn đối với người phải cấp dưỡng. Có thể nói ý nghĩa của quy định này không chỉ bó hẹp trong phạm vi đó. Tuy nhiên cho đến nay, nhà làm luật chỉ dừng lại ở việc đưa ra trường hợp tạm ngừng cấp dưỡng khi cần thiết mà chưa hướng dẫn cụ thể vấn đề này.

Trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng muốn tạm ngừng cấp dưỡng vì lý do không còn đủ điều kiện thực hiện nghĩa vụ. Nếu các bên không thỏa thuận được và yêu cầu Tòa án giải quyết, rõ ràng việc đưa ra một quyết định hợp lý của Hội đồng xét xử sẽ gặp không ít khó khăn. Tòa án sẽ xem xét tình trạng hiện tại của các bên: thu nhập, khả năng thực tế, mức sống, nhu cầu,... Tuy nhiên, sau khi xem xét Tòa án sẽ căn cứ vào đâu để cho rằng là cần thiết để cho phép việc tạm ngừng cấp dưỡng. Ngoài ra, Hội đồng xét xử cũng gặp không ít khó khăn, trơ ngại để xác định tình trạng kinh tế hiện tại của các bên. Trên thực tế, đã có rất nhiều trường hợp xin tạm ngừng cấp dưỡng với lý do “*khó khăn về kinh tế*” quả thật có trường hợp khó khăn thật sự nhưng cũng có trường hợp trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, đùn đẩy việc thực hiện nghĩa vụ đó cho người khác, còn bản thân họ thì có thời gian và tiền để làm những việc riêng mang lại lợi ích cho họ, vô tâm trước cuộc sống của người được cấp dưỡng mà trong trường hợp này là chính con của họ.

Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuy có quy định về việc “*tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ lâm vào hoàn cảnh khó khăn*” nhưng lại không đưa ra một quy định cụ thể nào là “*khó khăn về kinh tế*”. Điều đó gây khó khăn cho Tòa án trong việc giải quyết vấn đề tạm

ngừng cấp dưỡng. Do đó, pháp luật cũng nên bổ sung những quy định cho hoàn chỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể trong quan hệ cấp dưỡng và Tòa án áp dụng quy định

của pháp luật bảo vệ quyền lợi của các bên. Do Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chưa có văn bản hướng dẫn thi hành nên người viết mong rằng các nhà làm luật cần có những văn bản quy định hướng dẫn cụ thể, rõ ràng vấn đề này.

3.3.3. Vấn đề liên quan đến thỏa thuận mức cấp dưỡng và ấn định mức cấp dưỡng nuôi con

Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định:

"1. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết".

Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định:

"Khi ly hôn, cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con chưa thành niên hoặc con đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Mức cấp dưỡng cho con do cha, mẹ thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết".

Những quy định này còn quá chung chung, chưa có sự thống nhất. Thực tế hiện nay, Tòa án ấn định mức cấp dưỡng thấp hơn rất nhiều so với nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Bởi nhu cầu thực tế đối với người được cấp dưỡng chưa có tiêu chí cụ thể để xác định như về ăn, mặc, đi lại, học tập, chữa bệnh,...

Mức cấp dưỡng hiện nay đã được quy định chi tiết và hướng dẫn tại Nghị định số 70/2001/NĐ-CP như sau: *"Người có khả năng thực tế để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là người có thu nhập thường xuyên hoặc tuy không có thu nhập thường xuyên nhưng còn tài sản sau khi đã trừ đi chi phí thông thường cần thiết cho cuộc sống của người đó"*. Và theo Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP nêu rõ: *"Tiền cấp dưỡng nuôi con bao gồm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con và do các bên thỏa thuận. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được thì tùy vào từng trường hợp cụ thể, vào khả năng của mỗi bên mà quyết định mức cấp dưỡng nuôi con cho hợp lý"*. Thế nhưng trong thực tiễn, hầu hết các trường hợp sau khi ly hôn, việc cấp dưỡng chưa đảm bảo được quyền lợi của đứa con, chưa đáp ứng được *"nhu cầu thiết yếu"* của người được cấp dưỡng. Do đó, cần quy định các căn cứ rõ ràng, cụ thể hơn về việc ấn định mức cấp dưỡng vào Luật hôn nhân và gia đình. Luật không nên đưa ra những quy định chung

chung chưa có tiêu chí xác định về ăn, mặc, đi lại, học tập, chữa bệnh... để xác định nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Theo người viết, nên quy định mức cấp dưỡng

tính trên phần trăm thu nhập của người phải cấp dưỡng hoặc lấy mức tiền lương tối thiểu vào từng thời điểm làm định khung để quy định mức cấp dưỡng. Dù người phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng không phải là người làm công ăn lương đi chăng nữa thì con họ cũng cần phải được đảm bảo mức sống tối thiểu. Khi có sự thay đổi về mức lương thì căn cứ vào đó cơ quan Thi hành án áp dụng vào từng thời điểm thi hành án thì mới có thể bảo đảm quyền lợi cho người được cấp dưỡng và tránh thiệt thòi cho người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Còn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc thỏa thuận và ấn định mức cấp dưỡng quy định tại khoản 1 Điều 116, do Luật này chưa có văn bản hướng dẫn thi hành và Luật cũng chưa có hiệu lực nên việc quy định về mức cấp dưỡng chỉ được ghi nhận trong điều luật như sau: “1. *Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”. Như vậy, việc xác định mức cấp dưỡng cũng dựa trên hai tiêu chí là: khả năng thực tế của người có nghĩa vụ và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Người viết mong rằng các nhà làm luật cần có những văn bản hướng dẫn thi hành rõ việc ấn định mức cấp dưỡng. Để việc cấp dưỡng mang đúng bản chất của nó là đảm bảo được nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng.

3.4. Những kiến nghị hoàn thiện các quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn

3.4.1. Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng nuôi con

Do Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 chưa quy định rõ ràng về vấn đề này và Luật hôn nhân năm 2014 cũng không quy định và Luật này chưa có văn bản hướng dẫn thi hành. Nên ta thấy để đảm bảo quyền lợi của con được cấp dưỡng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong mọi trường hợp. Thực tiễn, tôi xin kiến nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cần phải có văn bản hướng dẫn cụ thể về xác định thời điểm cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Thời điểm đó có thể xác định theo ba quan điểm sau:

Thứ nhất: Thời điểm cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con khi ly hôn phải cấp dưỡng nuôi con là thời điểm Tòa án ra quyết định thuận tình ly hôn, trong trường hợp quyết định thuận tình ly hôn.

Thứ hai: Thời điểm cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con khi ly hôn phải cấp dưỡng nuôi con là ngày tuyên án sơ thẩm, trong trường hợp các bên không thỏa thuận được về việc cấp dưỡng nuôi con và Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Thứ ba: Thời điểm cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con khi ly hôn phải cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày cha hoặc mẹ không sống chung với nhau trở về sau cho đến

khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mà Toà án có căn cứ xác định trong khoảng thời gian vợ chồng không sống chung với nhau, nên không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con - có nghĩa là nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của vợ hoặc chồng khi ly hôn bắt đầu kể từ thời điểm vợ chồng ly thân đến khi ly hôn trở về sau cho đến lúc nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Bởi vì, trên thực tế có nhiều người vợ do mâu thuẫn quá lớn đối với người chồng và thường xuyên bị người chồng đánh đập, xúc phạm về nhân phẩm (mà chúng ta thường gọi là nạn bạo hành, nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự) đã làm cho người vợ và con phải đi nơi khác để chờ Toà giải quyết việc ly hôn hoặc người chồng đi làm ăn xa, sống chung với người khác mà vợ chồng không sống chung với nhau trước khi ly hôn mà một bên vợ hoặc chồng không sống chung với con. Đồng thời, cũng không thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con (nhưng không thuộc trường hợp trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và đã yêu cầu Toà án giải quyết).

Sau khi đã phân tích thì theo ý kiến người viết thì quan điểm thứ ba là hợp tình, hợp lý khi xác định thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng vì khi đó quyền lợi của người con cũng như người trực tiếp nuôi con mới được đảm bảo.

3.4.2. Vấn đề tạm ngừng cấp dưỡng

- Điều kiện được tạm hoãn cấp dưỡng.

Người được cấp dưỡng phải lâm vào “*hoàn cảnh kinh tế khó khăn*”. Mà một người được coi là khó khăn về kinh tế là người không có thu nhập hoặc có thu nhập nhưng mức thu nhập thấp và với mức thu nhập đó không thể đảm bảo và lo cho cuộc sống của người được cấp dưỡng. Đồng thời, họ cũng không có tài sản giá trị hoặc có tài sản nhưng sau khi bán đi cũng không thể có khả năng thực hiện trách nhiệm cấp dưỡng của mình.

- Vấn đề thực hiện nghĩa vụ hoàn trả do tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng.

Pháp luật Việt Nam rất linh hoạt trong vấn đề cấp dưỡng, trong hoàn cảnh kinh tế thật sự khó khăn thì người có nghĩa vụ cấp dưỡng có thể tạm ngừng việc thực hiện nghĩa vụ. Đối với trường hợp cha mẹ ly hôn khi người không trực tiếp nuôi con được pháp luật cho phép tạm ngừng cấp dưỡng nuôi con thì khi đó gánh nặng nuôi con chỉ đè lên vai của một người - người trực tiếp nuôi con phải chịu hoàn toàn chi phí trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con như: học tập, ăn uống,.. Vì thế, có thể trong một số trường hợp nào đó người trực tiếp nuôi con do kinh tế không tốt sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của đứa con, đồng thời ảnh hưởng đến cuộc sống của người trực tiếp nuôi con. Mặc dù,

pháp luật cho phép tạm ngừng cấp dưỡng khi có lý do chính đáng là để bảo vệ người không trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, một khi người không trực tiếp nuôi dưỡng con do

làm ăn phát đạt kinh tế tốt hơn trước rất nhiều và họ sẽ thực hiện cấp dưỡng cho con như trước. Nhưng vấn đề đặc ra là có nên buộc họ phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả trong thời gian tạm ngừng cấp dưỡng không? Để hiểu thêm về vấn đề này người viết đưa ra hai ví dụ như sau:

Vi' dụ 1: Cha mẹ ly hôn, người con do mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con (chưa thành niên), cha thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con từ lúc con được 12 tuổi đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tuy nhiên, do cuộc sống của người cha lâm vào hoàn cảnh khó khăn nên được pháp luật cho phép tạm ngừng cấp dưỡng lúc con của họ được 13 tuổi. Đến khi người con được 15 tuổi thì kinh tế của cha tốt hơn nên đã có khả năng cấp dưỡng trở lại cho con như trước. Như vậy, trong khoảng thời gian từ 13 tuổi đến 15 tuổi thì cuộc sống của đứa con hoàn toàn phụ thuộc vào kinh tế của người mẹ. Do đó, vấn đề là người cha có nên hoàn trả nghĩa vụ cấp dưỡng trong thời gian tạm ngừng khi mình có đủ khả năng để thực hiện.

Vi' dụ 2: Cha mẹ ly hôn, con cũng do mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, cha thì thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con (chưa thành niên) đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Cha thực hiện cấp dưỡng cho con đến năm con được 12 tuổi do làm ăn thua lỗ không có khả năng cấp dưỡng nuôi con, phù hợp điều kiện pháp luật nên người cha được tạm ngừng cấp dưỡng. Do điều kiện sống khó khăn nên mãi đến khi con đủ 18 tuổi thì kinh tế người cha mới đủ điều kiện cấp dưỡng cho con trở lại. Nhưng khi đó con của họ đã có khả năng lao động và đã kết thúc thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Như vậy, trong thời gian tạm ngừng cấp dưỡng có thể thấy rằng quyền lợi của người trực tiếp nuôi con và người con ít nhiều cũng bị ảnh hưởng. Do đó, vấn đề là người cha có nên hoàn trả nghĩa vụ cấp dưỡng trong thời gian tạm ngừng khi mình có đủ khả năng để thực hiện.

Qua hai ví dụ trên về tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, ta thấy rằng trong thời gian tạm hoãn thì người trực tiếp nuôi con phải một mình lo cho con về mọi mặt. Nếu người không trực tiếp nuôi con không thực hiện cấp dưỡng thì gánh nặng lo cho con tăng lên gấp đôi đối với người trực tiếp nuôi con, khi đó cuộc sống người con có thể bị thay đổi, điều kiện tài chính chăm sóc mình không còn được như trước ảnh hưởng đến việc học tập, ăn ở,... Toàn bộ chi phí nuôi con chỉ do người trực tiếp nuôi con chịu. Do đó, nếu một khi người có nghĩa vụ cấp dưỡng có điều kiện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng trở lại như trước và có khả năng hoàn trả khoản tiền cấp dưỡng trong thời gian tạm ngừng. Đồng thời, để bảo vệ quyền lợi của người đã trực tiếp nuôi con khi phải thực hiện nghĩa vụ nuôi con một mình cũng như quyền lợi của người con khi điều kiện chăm sóc mình có thể thay đổi do kinh tế người trực tiếp nuôi con bị giảm sút do làm ăn thua lỗ trong thời gian tạm ngừng cấp dưỡng họ vẫn phải một mình nuôi con. Thì Luật sẽ giải

quyết như thế nào? Nên hay không nên buộc người không trực tiếp nuôi con hoàn trả khoản tiền cấp dưỡng trong thời gian tạm ngừng khi mình đủ điều kiện kinh tế để thực

hiện nghĩa vụ mà đáng lý ra mình phải thực hiện. Sau khi đã phân tích thì người viết thấy rằng, Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 chưa quy định vấn đề này, nhưng theo ý kiến người viết thì Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có văn bản quy định việc truy lĩnh tiền cấp dưỡng trong thời gian tạm ngừng để bảo vệ quyền cũng như lợi ích của người trực tiếp nuôi con và con.

3.4.3. Kiến nghị tiền bồi thường cấp dưỡng nuôi con khi cha mẹ ly hôn mà một người bị tai nạn

Quan hệ cấp dưỡng là loại quan hệ nhân thân, gắn liền với nhân thân của chủ thể. Đồng thời, quan hệ cấp dưỡng là loại quan hệ tài sản đặc biệt.

Giả sử vợ chồng sau khi ly hôn, nếu bên không trực tiếp nuôi con không may bị tai nạn có thể bị chết hoặc mất khả năng lao động, điều đó đồng nghĩa với việc nghĩa vụ cấp dưỡng của người đó đối với con cũng chấm dứt. Dù biết rằng chẳng ai muốn điều đó xảy ra, nhưng trong trường hợp này thì quyền lợi của người con tức là quyền lợi của người được cấp dưỡng bị ảnh hưởng trực tiếp cả về vật chất lẫn tinh thần. Đúng ra người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con phải thực hiện trách nhiệm cấp dưỡng đến khi người con trưởng thành và có khả năng lao động, thậm chí phải thực hiện trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con vô thời hạn nếu rơi vào trường hợp con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, bị tàn tật, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nhưng vì sự cố không may mà họ không thể tiếp tục thực hiện trách nhiệm của họ. Do vậy, trong trường hợp này người đã gây ra thiệt hại cho người phải cấp dưỡng phải chịu trách nhiệm thực hiện tiếp nghĩa vụ mà người phải cấp dưỡng đang thực hiện đang dơ khi mình có lỗi. Mặc dù, quan hệ cấp dưỡng là loại quan hệ nhân thân và không thể chuyển giao cho người khác nhưng trong trường hợp này thì khác. Người đã gây ra thiệt hại cho người có nghĩa vụ cấp dưỡng, khiến người phải cấp dưỡng không thể thực hiện trách nhiệm của mình phải có nghĩa vụ bồi thường khoản tiền cấp dưỡng cho người được cấp dưỡng nhằm đảm bảo cuộc sống cho người được cấp dưỡng.

Để xác định, tính toán chi phí cấp dưỡng, đảm bảo nguyên tắc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng với mục đích của trách nhiệm bồi thường là khôi phục lại tình trạng như trước khi xảy ra thiệt hại, điều đó không hề đơn giản. Căn cứ vào hoàn cảnh kinh tế chung ở nước ta và thực tế giải quyết việc cấp dưỡng, trên cơ sở quy định Điều 604 BLDS năm 2005, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, theo người viết cách tính khoản tiền bồi thường khoản tiền cấp dưỡng có thể thực hiện bằng cách sau:

Các bên có thể tự tính toán, thỏa thuận mức bồi thường và thực hiện việc bồi thường theo nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận trong bồi thường thiệt hại. Trong trường hợp các bên không tự thỏa thuận được thì nhờ Tòa án giải quyết căn cứ vào

việc tính toán, xác định mức bồi thường phải đồng thời căn cứ vào thu nhập của người bị

hại, mức cấp dưỡng thực tế trước khi xảy ra thiệt hại, mức sống trung bình của đại bộ phận dân cư được cấp dưỡng đang sống.

Căn cứ khác để xác định việc bồi thường khoản chi phí cấp dưỡng là căn cứ vào lỗi của các bên, trong đó có lỗi của người bị thiệt hại. Trong trường hợp nhiều người cùng có lỗi gây thiệt hại thì họ có trách nhiệm liên đới cùng bồi thường. Khoản tiền phải bồi thường của mỗi người trong trường hợp này được xác định căn cứ vào mức độ lỗi của họ, trong đó có cả lỗi của người bị thiệt hại nếu người này có lỗi. Trong trường hợp không xác định được mức độ lỗi thì những người gây thiệt hại phải bồi thường theo phần bằng nhau.

3.5. Kiến nghị về mặt thực thi pháp luật về cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn

- Để pháp luật đi vào thực tiễn đúng với tinh thần của nó, công tác áp dụng pháp luật là một điều hết sức quan trọng và không thể thiếu. Để áp dụng pháp luật tốt thì cần phải có một đội ngũ thẩm phán giỏi và có kinh nghiệm, có đủ kiến thức pháp luật và kiến thức xã hội. Tuy nhiên, do hoàn cảnh nước ta, đặc biệt là ở vùng miền núi, do thiếu lực lượng cán bộ được đào tạo chính thức nên còn một số lớn cán bộ chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội ngày nay. Vì vậy, việc nâng cao trình độ, mở lớp bồi dưỡng cho đội ngũ thẩm phán ở các vùng miền núi theo định kỳ là rất cần thiết. Một mặt, họ nâng cao được kiến thức, kinh nghiệm qua việc bồi dưỡng. Mặt khác, họ có cơ hội để học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau và phấn đấu.

- Để thực hiện nghĩa vụ đã được nêu trong bản án, quyết định thì cưỡng chế là giải pháp cuối cùng, quan trọng nhất vẫn là ý thức tự giác của người có nghĩa vụ. Ý thức còn đặc biệt quan trọng trong trường hợp các biện pháp cưỡng chế cũng không thể đạt được mục đích của việc thực hiện nghĩa vụ. Vì vậy, công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về cấp dưỡng nuôi con khi vợ chồng ly hôn cần được tiến hành và đẩy mạnh để làm cho quần chúng nhân dân hiểu rõ mục đích và ý nghĩa về các vấn đề có liên quan đến việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tạo được sự đồng tình, ủng hộ và mọi người có thái độ đúng đắn, nhận thức đầy đủ các vấn đề về cấp dưỡng nuôi con. Trên cơ sở đó giúp mọi người ý thức được quyền lợi của mình và bảo vệ quyền lợi chính đáng của các bên trong quan hệ cấp dưỡng đặc biệt là quyền lợi của người con. Để thực hiện được việc này, pháp luật nói chung và pháp luật hôn nhân và gia đình nói riêng cần được tuyên truyền, phổ biến qua các phương tiện thông tin đại chúng nhiều hơn, đặc biệt là ở những vùng mà trình độ dân trí còn thấp. Nên có những chương trình phát thanh, truyền hình, sách báo có nội dung pháp luật dễ hiểu, cụ thể đưa ra các trường hợp thực tế để từ đó gây được sự quan tâm của mọi người. Qua đó, sự hiểu biết sẽ tăng lên và cũng đồng nghĩa với việc ý

thức được nâng cao.

- Pháp luật cần đưa ra các chế tài nghiêm khắc, xử lý nghiêm minh những trường hợp cố tình chống đối, không thi hành án. Công tác thi hành án nên được Nhà nước quan tâm nhiều hơn nữa để các quyết định, bản án của Toà án không chỉ là trên giấy tờ mà được thực hiện nghiêm túc trên thực tế, đảm bảo được quyền lợi chính đáng của những đứa trẻ tội nghiệp cũng như tính nghiêm minh của pháp luật.

KẾT LUẬN

Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con khi cha mẹ ly hôn là một nội dung quan trọng của Luật hôn nhân và gia đình. Đó là sự cụ thể hoá của nguyên tắc bảo vệ trẻ em trong trường hợp đặc biệt. Việc bảo vệ quyền lợi của đối tượng này không chỉ là trách nhiệm của cha mẹ và của cơ quan bảo vệ pháp luật mà còn là của mọi tổ chức, cá nhân. Như vậy, các em vừa được hưởng những quyền lợi chính đáng, vừa tránh được những mặc cảm trước xã hội. Những quy định hợp lý của Luật hôn nhân và gia đình và việc xét xử đúng đắn, chính xác của Toà án, việc Thi hành án nghiêm túc của những người có nghĩa vụ sẽ đảm bảo cho những đứa trẻ không may rơi vào gia đình mà cha mẹ ly hôn được tiếp tục một cuộc sống bình thường. Tuy nhiên, để nghĩa vụ này phát sinh thì những đứa trẻ này phải là người chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, bị tàn tật, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Nghĩa vụ này nhằm đảm bảo cho các em được chăm sóc, nuôi dưỡng được phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần dù không được sống cùng với cả cha mẹ chung một gia đình. Đồng thời, những quy định hợp lý của pháp luật không chỉ góp phần quan trọng vào việc giáo dục ý thức của cha mẹ mà còn của toàn xã hội. Việc ly hôn sẽ thực sự là lối thoát cho cuộc sống bế tắc của vợ chồng và cũng ít để lại hậu quả xấu cho các con. Như vậy, quyền tự do ly hôn

mới thực sự bộc lộ được ý nghĩa của nó.

Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 cùng với văn bản hướng dẫn đã quy định tương đối đầy đủ các điều kiện phát sinh quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng, chủ thể cấp dưỡng, mức cấp dưỡng, phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng,... Tuy nhiên, vẫn còn nhiều điểm tồn tại và vướng mắc do nhiều nguyên nhân cả khách quan lẫn chủ quan cùng với sự vận động và phát triển của nền kinh tế đã tác động vào các quan hệ cấp dưỡng nói chung và quan hệ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn nói riêng mà các nhà làm luật đã ban hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để đáp ứng yêu cầu của thực tế, Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày 01/01/2015. Luật này được ban hành nhằm góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật trong quan hệ hôn nhân và gia đình đặc biệt là vấn đề cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn. Mặt khác, do ý thức về pháp luật của người dân chưa cao gây khó khăn rất nhiều trong công tác thi hành án về cấp dưỡng nuôi con và chủ yếu là sự thiếu trách nhiệm, vô lương tâm của bậc làm cha, làm mẹ (chủ yếu là người cha) những người đã sẵn sàng chối bỏ con của mình trong cuộc sống mưu sinh còn nhiều thiếu thốn và đầy cạm bẫy, mà pháp luật cũng như những người làm công tác thi hành án đành chịu bất lực.

Trên cơ sở những thuận lợi và khó khăn còn tồn tại, để quan hệ cấp dưỡng thật sự được phát huy tác dụng tích cực của nó trong cuộc sống, để Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đi sâu vào đời sống người dân, thực sự là nền tảng vững chắc nhất để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ cấp dưỡng nói chung và trong quan hệ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn nói riêng thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật cần có phương hướng giải thích rõ ràng những vấn đề pháp lý liên quan đến cấp dưỡng. Ngoài ra, cần phải chú trọng biện pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hôn nhân và gia đình để mọi người hiểu và tự nâng cao ý thức, trách nhiệm của mình trước những người thân yêu nhất trong gia đình làm cho gia đình luôn luôn hạnh phúc và thật sự xứng đáng là tế bào của xã hội.

Hoàn thiện nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con khi ly hôn cũng góp phần vào việc xây dựng một xã hội ngày càng tiến bộ, văn minh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO XEM THÊM TẠI

<https://baocaothuctap.net/danh-muc-tai-lieu-tham-khao-bao-cai-thuc-tap/>

XEM THÊM CÁC BÀI BÁO CÁO TỐT NGHIỆP LUẬT DÂN SỰ:

<https://baocaothuctap.net/bao-cai-thuc-tap-luat-dan-su/>

CÁC BẠN CÓ NHU CẦU VIẾT BÀI TRỌN GÓI HOÀN TOÀN LIÊN HỆ ZALO:

<https://zalo.me/0909232620>

XEM QUA VỀ DỊCH VỤ TẠI: <https://baocaothuctap.net/>

